

Số: **3529**/TTr-UBND

Đắk Nông, ngày **23** tháng 6 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Thông báo số 26/TB-HĐND ngày 05/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về Kết luận Phiên họp thứ 31 (Phiên họp thường kỳ tháng 5/2023) Thường trực HĐND tỉnh Khóa IV, trong đó có nội dung: “*Thống nhất với đề nghị của UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trình Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh khẩn trương hoàn thiện nội dung, hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi về Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh theo đúng thời gian quy định*”, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Nghị quyết), với nội dung như sau:

**I. Căn cứ xây dựng**

Tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “...*UBND tỉnh căn cứ kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh được giao tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này, thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc bảo đảm phù hợp với các quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH ngày 14/12/2022, các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình MTQG và các quy định của pháp luật có liên quan*”.

Do đó, để các đơn vị và địa phương có đầy đủ cơ sở pháp lý kịp thời triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là cần thiết và phù hợp với quy định.

## **II. Nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các Sở, ngành và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia**

Tuân thủ theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết của HĐND về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, cụ thể như sau:

1. Tỉnh giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 cho các Sở, ban, ngành, địa phương đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn được giao tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về thông tin, số liệu, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các tiêu chí, định mức (phương pháp tính điểm số cho UBND các huyện, thành phố) được quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 24/2021/QH15; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

5. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số

04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### **III. Nội dung bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các Sở, ngành và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia**

Tổng kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương giao bổ sung là 300.802 triệu đồng (trong đó: vốn trong nước là 166.665 triệu đồng, vốn nước ngoài là 134.137 triệu đồng), cụ thể như sau:

#### **1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Tổng kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương giao bổ sung là 7.532 triệu đồng, UBND tỉnh dự kiến phân bổ như sau:

- Phân bổ 5.606 triệu đồng cho UBND huyện Đắk Glong để thực hiện Tiểu dự án 2 “Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 3 “Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị”;

- Phân bổ 1.926 triệu đồng để thực hiện Tiểu dự án 2 “Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 10 “Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình” theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/3/2023, cụ thể: Liên minh Hợp tác xã tỉnh là 10 triệu đồng và UBND cấp huyện là 1.916 triệu đồng.

#### **2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:**

Tổng kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương giao bổ sung là 87.323 triệu đồng, UBND tỉnh dự kiến phân bổ như sau:

Phân bổ 87.323 triệu đồng cho UBND huyện Đắk Glong để thực hiện Tiểu dự án 2 “Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn” thuộc Dự án 1 “Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo”.

#### **3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:**

Tổng kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương giao bổ sung là 205.947 triệu đồng (trong đó: vốn trong nước là 71.810 triệu đồng, vốn nước ngoài là 134.137 triệu đồng). Theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2022 về hướng dẫn triển khai

vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn NSTW năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh dự kiến phân bổ như sau:

a) Ngân sách Trung ương (vốn trong nước) là 71.810 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Phân bổ 15.000 triệu đồng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Mô hình “*Phát triển sản phẩm OCOP cả phê chất lượng cao, cả phê đặc sản gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sinh thái bền vững tại huyện Đắk Mil*” đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023 về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (đợt 2).

- Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước để hỗ trợ trực tiếp cho huyện “trắng xã NTM”: Phân bổ 25.000 triệu đồng cho huyện Tuy Đức để có thêm nguồn lực phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 03 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- Phân bổ chung, theo tiêu chí, hệ số: Phân bổ 31.810 triệu đồng cho cấp huyện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (tại phụ lục I ban hành kèm theo Công văn số 1486/BNN-VPĐP). Số vốn phân bổ cho các huyện đảm bảo tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn quy định tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh.

b) Ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài):

Phân bổ 134.137 triệu đồng cho Sở Y tế (Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông) để thực hiện Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông.

#### **IV. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia**

Tổng vốn đối ứng dự kiến là 93.097 triệu đồng (trong đó, ngân sách tỉnh 50.941 triệu đồng, ngân sách huyện 42.156 triệu đồng), cụ thể:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi<sup>1</sup>: 753 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 527 triệu đồng

- Ngân sách cấp huyện: 226 triệu đồng

<sup>1</sup> Ngân sách tỉnh hỗ trợ cấp huyện 70%, ngân sách huyện bổ trợ đối ứng 30% theo quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/6/2022

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững<sup>2</sup>: 8.732 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 6.112 triệu đồng
- Ngân sách cấp huyện: 2.620 triệu đồng

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 83.612 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 44.302 triệu đồng
- Ngân sách cấp huyện: 39.310 triệu đồng

\* Về phương án bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước):

Tổng vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) phải bố trí đối ứng là 71.810 triệu đồng để hỗ trợ cho các huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đã đề ra tại Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hỗ trợ cho huyện Tuy Đức (huyện trắng xã nông thôn mới), cụ thể như sau:

- Bố trí ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) để đối ứng ngân sách Trung ương hỗ trợ cho huyện Tuy Đức là 25.000 triệu đồng, trong đó: Đề xuất huyện Tuy Đức đối ứng 7.500 triệu đồng (tương đương 30% so với tổng vốn ngân sách Trung ương được phân bổ); phần còn lại (70%) thì ngân sách tỉnh đối ứng và bố trí bổ sung về cho huyện để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Giao các huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Đăk R'láp, Đăk Song, Krông Nô, Đăk Glong) bố trí nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng 31.810 triệu đồng, đảm bảo tỷ lệ đối ứng 1:1 so với ngân sách Trung ương phân bổ.

- Số vốn phải đối ứng ngân sách tỉnh còn lại 15.000 triệu đồng: Đề xuất phân bổ, bổ sung có mục tiêu cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu mà tỉnh đã đề ra.

\* Về phương án bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài)

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (tại Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 02/11/2018, điều chỉnh tại Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019), Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của Bộ Y tế (tại Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018, điều chỉnh tại Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019), UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để đối ứng cho Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đăk Nông (sau đây gọi tắt là Chương trình). Đến nay, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã

<sup>2</sup> Ngân sách tỉnh hỗ trợ cấp huyện 70%, ngân sách huyện bố trí đối ứng 30% theo quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/6/2022

cân đối bố trí cho Chương trình là 11.802 triệu đồng (tại Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022, Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh).

Theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; trong đó, quy định cụ thể các khoản mục chi phí sử dụng từ nguồn vốn đối ứng (bao gồm cả phần chi trả thuế, phí).

Đồng thời, tại mục 2 Công văn số 2811/BYT-KHTC ngày 11/5/2023 về việc hướng dẫn triển khai Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, vốn vay ODA của ADB, Bộ Y tế có ý kiến: “Đối với nguồn vốn đối ứng, theo quy định tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phần chi trả thuế VAT sẽ do ngân sách địa phương bố trí. Trong trường hợp tăng tổng mức đầu tư, đề nghị UBND tỉnh báo cáo Bộ Y tế để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin phê duyệt và điều chỉnh theo quy định”; mục 3.1 “Vốn đối ứng: Do vốn vay chỉ được sử dụng cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị nên ngân sách địa phương chi trả cho các chi phí khác, bao gồm cả chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản, thuế, phí, quản lý, giám sát và đánh giá Chương trình vốn vay ADB theo quy định”. Do đó, trong trường hợp Chương trình được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư<sup>3</sup>, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh xem xét, bổ sung đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

*(Chi tiết có Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)*

## **V. Điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Tại phụ lục II kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu đã giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 như sau:

Đối với nhiệm vụ “thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn” của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh “*Tỷ lệ xã (%)*: 50” thành “*Tỷ lệ thôn (%)*: 50”.

2. Tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh và điểm b khoản 1 mục I Điều 1 Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ như sau:

*“1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

...

<sup>3</sup> Dự kiến tổng nguồn vốn đối ứng cho Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông khoảng 33.009 triệu đồng; trong đó, đã bố trí đối ứng là 11.802 triệu đồng; phần còn lại tăng thêm khoảng 21.207 triệu đồng.

- Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 20 thôn, đạt tỷ lệ là 50%”

Như vậy, nội dung tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh đã đảm bảo theo quy định của Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, do đó không cần phải điều chỉnh chỉ tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đề các cơ quan của HĐND tỉnh kịp thời thẩm tra, trình Kỳ họp thứ 6 khóa IV của HĐND tỉnh, UBND tỉnh trình dự thảo Nghị quyết đồng thời với xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định tại quy chế làm việc của Tỉnh ủy. Trường hợp Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến khác, UBND tỉnh sẽ kịp thời báo cáo HĐND tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(Hồ sơ kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết (2) Đề xuất của các cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh (3) Các văn bản pháp lý liên quan).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh Ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, YT, NN&PTNT, KH&ĐT, LĐTB&XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, KGVX, KT.



**Lê Văn Chiến**

Phụ lục I

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Tờ trình số 3529 TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các Chương trình	Tổng cộng	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bổ sung giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
			Ngân sách Trung ương		Vốn đối ứng của Ngân sách địa phương		
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>393.899</b>	<b>166.665</b>	<b>134.137</b>	<b>93.097</b>	<b>50.941</b>	<b>42.156</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	<b>8.285</b>	7.532	-	753	527	226
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	<b>96.055</b>	87.323	-	8.732	6.112	2.620
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	<b>289.559</b>	205.947	134.137	83.612	44.302	39.310





Phụ lục II

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (VỐN TRONG NƯỚC) BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Tờ trình số **3529**/TTr-UBND ngày **23** tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiêu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) bổ sung giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>	<b>247.960</b>	<b>166.665</b>	<b>81.295</b>	<b>39.139</b>	<b>42.156</b>	
<b>A</b>	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.285	7.532	753	527	226	
<b>I</b>	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	6.359	5.606	753	527	226	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6.359	5.606	753	527	226	
<b>*</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>6.359</b>	<b>5.606</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>	
<b>I</b>	UBND huyện Đắk Glong	6.359	5.606	753	527	226	
<b>II</b>	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.926	1.926	-	-	-	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.926	1.926	-	-	-	



STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) bổ sung giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ngân sách huyện	
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
*	Các Sở, ban, ngành	10	10	-	-	-	-	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	10	10	-	-	-	-	
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>1.916</b>	<b>1.916</b>	-	-	-	-	
1	UBND huyện Krông Nô	52	52	-	-	-	-	
2	UBND huyện Cư Jút	11	11	-	-	-	-	
3	UBND huyện Đắk Mil	14	14	-	-	-	-	
4	UBND huyện Đắk Song	14	14	-	-	-	-	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	11	11	-	-	-	-	
6	UBND huyện Tuy Đức	824	824	-	-	-	-	
7	UBND huyện Đắk Glong	990	990	-	-	-	-	
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>	<b>2.620</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>	<b>2.620</b>	
	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620	2.620	
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>	<b>2.620</b>	
-	UBND huyện Đắk Glong	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620	2.620	
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>	<b>143.620</b>	<b>71.810</b>	<b>71.810</b>	<b>32.500</b>	<b>39.310</b>	<b>39.310</b>	
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ thực hiện mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	-	-	-	-	
1	Thực hiện mô hình chỉ đạo điểm về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	15.000	15.000	-	-	-	-	
*	Các Sở, ban, ngành	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	-	-	-	-	



STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) bổ sung giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ngân sách huyện	
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	15.000	-	-	-	-	
II	Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (theo chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước); Hỗ trợ cho huyện "trắng xã nông thôn mới"	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500	7.500	
*	Phân cấp cho cấp huyện	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500	7.500	
-	UBND huyện Tuy Đức	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500	7.500	(1): Giao huyện Tuy Đức phân bổ cho xã theo quy định (2): để xuất huyện bổ trí vốn đối ứng bằng 30% tổng vốn được giao; NS tỉnh hỗ trợ 70% còn lại
III	Hỗ trợ bổ sung cho các huyện, xã thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2025 (theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022)	78.620	31.810	46.810	15.000	31.810	31.810	
*	Phân cấp cho cấp huyện							
1	UBND huyện Krông Nông	5.297	2.144	3.153	1.009	2.144	2.144	
2	UBND huyện Cư Jút	17.613	7.148	10.465	3.317	7.148	7.148	
3	UBND huyện Đắk Mũi	26.203	10.722	15.481	4.759	10.722	10.722	
4	UBND huyện Đắk Song	7.160	2.859	4.301	1.442	2.859	2.859	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	17.757	7.148	10.609	3.461	7.148	7.148	
6	UBND huyện Đắk Glong	4.302	1.789	2.513	724	1.789	1.789	
7	UBND thành phố Gia Nghĩa	288	-	288	288	-	-	

\*Ghi chú: Phân bổ 15.000 triệu đồng, nguồn ngân sách tỉnh theo các tiêu chí tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh



Phụ lục III

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW (VỐN NƯỚC NGOÀI) BỔ SUNG VÀ NSĐP ĐỐI ƯNG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Tờ trình số 3529/TTtr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW (vốn nước ngoài) bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh (đối ứng)	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>134.137</b>	<b>11.802</b>	
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông	Sở Y tế (Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông)	134.137	11.802	Tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 HĐND tỉnh đã bố trí cho Chương trình là 11.802 triệu đồng

**Phụ lục IV**

**TỔNG HỢP VỐN ĐỐI ỨNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Kèm theo Tờ trình số 3520/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn nguồn NSTW bổ sung	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương		
			Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	<b>TỔNG CỘNG = A+B+C</b>	<b>300.802</b>	<b>93.097</b>	<b>50.941</b>	<b>42.156</b>
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>7.532</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
*	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	10	-	-	-
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>7.522</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
1	UBND huyện Krông Nô	52	-	-	-
2	UBND huyện Cư Jút	11	-	-	-
3	UBND huyện Đắk Mil	14	-	-	-
4	UBND huyện Đắk Song	14	-	-	-
5	UBND huyện Đắk R'lấp	11	-	-	-
6	UBND huyện Tuy Đức	824	-	-	-
7	UBND huyện Đắk Glong	6.596	753	527	226
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
<b>I</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
1	UBND huyện Đắk Glong	87.323	8.732	6.112	2.620
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn trong nước)</b>	<b>205.947</b>	<b>83.612</b>	<b>44.302</b>	<b>39.310</b>
<b>I</b>	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>149.137</b>	<b>11.802</b>	<b>11.802</b>	<b>-</b>
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	-	-	-
2	Sở Y tế (Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông)	134.137	11.802	11.802	-
<b>II</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>56.810</b>	<b>71.810</b>	<b>32.500</b>	<b>39.310</b>
1	UBND huyện Krông Nô	2.144	3.153	1.009	2.144
2	UBND huyện Cư Jút	7.148	10.465	3.317	7.148
3	UBND huyện Đắk Mil	10.722	15.481	4.759	10.722
4	UBND huyện Đắk Song	2.859	4.301	1.442	2.859
5	UBND huyện Đắk R'lấp	7.148	10.609	3.461	7.148
6	UBND huyện Tuy Đức	25.000	25.000	17.500	7.500
7	UBND huyện Đắk Glong	1.789	2.513	724	1.789
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	-	288	288	-

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước  
giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia  
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**KHÓA XII KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của  
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục  
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 12 năm 2022  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn nước ngoài cho Chương trình mục tiêu quốc gia  
xây dựng nông thôn mới; phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung  
ương giai đoạn 2021-2025 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia cho các Bộ,  
cơ quan trung ương và địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân  
sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc  
gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu  
quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng  
Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của  
HĐND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức  
phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ  
chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai  
đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Xét Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Phụ lục I, II, III kèm theo.

**Điều 2.** Kế hoạch vốn nguồn ngân sách địa phương đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục IV kèm theo.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, khẩn trương xây dựng Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết có liên quan để đảm bảo nguồn vốn đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất; chỉ đạo UBND cấp huyện bố trí đủ vốn đối ứng giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập, trình và phê duyệt danh mục dự án đầu tư theo quy định; trong đó, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính khả thi, hiệu quả, bảo đảm trọng tâm trọng điểm, dứt khoát không dàn trải, manh mún, trùng lặp phạm vi, đối tượng trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Chỉ đạo các Sở, ban, ngành chủ động hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn vướng mắc (nếu có) của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia để các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo tiến độ giải ngân vốn theo kế hoạch đề ra, chất lượng, hiệu quả công trình. Đồng thời, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng .... năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Các Bộ: TC, KH&ĐT, NN&PTNT, LĐTB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông; Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Trung**



**Phụ lục I**

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐ ngày tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các Chương trình	Tổng cộng	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bổ sung giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Ngân sách Trung ương		Vốn đối ứng của Ngân sách địa phương				
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	<b>Tổng cộng</b>	<b>393.899</b>	<b>300.802</b>	<b>166.665</b>	<b>134.137</b>	<b>93.097</b>	<b>50.941</b>	<b>42.156</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	<b>8.285</b>	7.532	7.532	-	753	527	226	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	<b>96.055</b>	87.323	87.323	-	8.732	6.112	2.620	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	<b>289.559</b>	205.947	71.810	134.137	83.612	44.302	39.310	

Phụ lục II

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (VỐN TRONG NƯỚC) BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐ ngày tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiêu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) bổ sung giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ghi chú	
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>	<b>247.960</b>	<b>166.665</b>	<b>81.295</b>	<b>39.139</b>	<b>42.156</b>		
<b>A</b>	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.285	7.532	753	527	226		
<b>I</b>	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	6.359	5.606	753	527	226		
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6.359	5.606	753	527	226		
<b>*</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>6.359</b>	<b>5.606</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>		
1	UBND huyện Đắk Glong	6.359	5.606	753	527	226		
<b>II</b>	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.926	1.926	-	-	-		
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.926	1.926	-	-	-		

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) bổ sung giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
*	Các Sở, ban, ngành	10	10	-	-	-	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	10	10	-	-	-	
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>1.916</b>	<b>1.916</b>	-	-	-	
1	UBND huyện Krông Nô	52	52	-	-	-	
2	UBND huyện Cư Jút	11	11	-	-	-	
3	UBND huyện Đắk Mít	14	14	-	-	-	
4	UBND huyện Đắk Song	14	14	-	-	-	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	11	11	-	-	-	
6	UBND huyện Tuy Đức	824	824	-	-	-	
7	UBND huyện Đắk Glong	990	990	-	-	-	
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>	
	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620	
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>	
-	UBND huyện Đắk Glong	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620	
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>	<b>143.620</b>	<b>71.810</b>	<b>71.810</b>	<b>32.500</b>	<b>39.310</b>	
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ thực hiện mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	-	-	-	
1	Thực hiện mô hình chỉ đạo điểm về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	15.000	15.000	-	-	-	
*	Các Sở, ban, ngành	15.000	15.000	-	-	-	

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) bổ sung giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	15.000	-	-	-	
II	Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (theo chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước); Hỗ trợ cho huyện "trắng xã nông thôn mới"	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500	
*	Phân cấp cho cấp huyện	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500	
-	UBND huyện Tuy Đức	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500	(1): Giao huyện Tuy Đức phân bổ cho xã theo quy định (2): đề xuất huyện bố trí vốn đối ứng bằng 30% tổng vốn được giao; NS tỉnh hỗ trợ 70% còn lại
III	Hỗ trợ bổ sung cho các huyện, xã thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2025 (theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022)	78.620	31.810	46.810	15.000	31.810	
*	Phân cấp cho cấp huyện						
1	UBND huyện Krông Nô	5.297	2.144	3.153	1.009	2.144	
2	UBND huyện Cư Jút	17.613	7.148	10.465	3.317	7.148	
3	UBND huyện Đăk Mil	26.203	10.722	15.481	4.759	10.722	
4	UBND huyện Đăk Song	7.160	2.859	4.301	1.442	2.859	
5	UBND huyện Đăk R'lấp	17.757	7.148	10.609	3.461	7.148	
6	UBND huyện Đăk Glong	4.302	1.789	2.513	724	1.789	
7	UBND thành phố Gia Nghĩa	288	-	288	288	-	

\*Ghi chú: Phân bổ 15.000 triệu đồng, nguồn ngân sách tỉnh theo các tiêu chí tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh

Phụ lục III

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW (VỐN NƯỚC NGOÀI) BỔ SUNG VÀ NSĐP ĐỐI ƯNG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐ ngày tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW (vốn nước ngoài) bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh (đối ứng)	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>134.137</b>	<b>11.802</b>	
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông	Sở Y tế (Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông)	134.137	11.802	Tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 HĐND tỉnh đã bố trí cho Chương trình là 11.802 triệu đồng

**Phụ lục IV**

**TỔNG HỢP VỐN ĐỐI ỨNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐ ngày tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn nguồn NSTW bổ sung	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương		
			Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	<b>TỔNG CỘNG = A+B+C</b>	<b>300.802</b>	<b>93.097</b>	<b>50.941</b>	<b>42.156</b>
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>7.532</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
*	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>10</b>	-	-	-
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	10	-	-	-
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>7.522</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
1	UBND huyện Krông Nô	52	-	-	-
2	UBND huyện Cư Jút	11	-	-	-
3	UBND huyện Đắk Mil	14	-	-	-
4	UBND huyện Đắk Song	14	-	-	-
5	UBND huyện Đắk R'lấp	11	-	-	-
6	UBND huyện Tuy Đức	824	-	-	-
7	UBND huyện Đắk Glong	6.596	753	527	226
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
<b>I</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
1	UBND huyện Đắk Glong	87.323	8.732	6.112	2.620
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn trong nước)</b>	<b>205.947</b>	<b>83.612</b>	<b>44.302</b>	<b>39.310</b>
<b>I</b>	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>149.137</b>	<b>11.802</b>	<b>11.802</b>	-
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	-	-	-
2	Sở Y tế (Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông)	134.137	11.802	11.802	-
<b>II</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>56.810</b>	<b>71.810</b>	<b>32.500</b>	<b>39.310</b>
1	UBND huyện Krông Nô	2.144	3.153	1.009	2.144
2	UBND huyện Cư Jút	7.148	10.465	3.317	7.148
3	UBND huyện Đắk Mil	10.722	15.481	4.759	10.722
4	UBND huyện Đắk Song	2.859	4.301	1.442	2.859
5	UBND huyện Đắk R'lấp	7.148	10.609	3.461	7.148
6	UBND huyện Tuy Đức	25.000	25.000	17.500	7.500
7	UBND huyện Đắk Glong	1.789	2.513	724	1.789
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	-	288	288	-

Phụ lục III

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW (VỐN NƯỚC NGOÀI) BỔ SUNG VÀ NSĐP ĐỐI ƯNG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐ ngày tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW (vốn nước ngoài) bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh (đối ứng)	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>134.137</b>	<b>11.802</b>	
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông	Sở Y tế (Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông)	134.137	11.802	Tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 HĐND tỉnh đã bố trí cho Chương trình là 11.802 triệu đồng

**Phụ lục IV**

**TỔNG HỢP VỐN ĐỐI ỨNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐ ngày tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn nguồn NSTW bổ sung	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương		
			Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	<b>TỔNG CỘNG = A+B+C</b>	<b>300.802</b>	<b>93.097</b>	<b>50.941</b>	<b>42.156</b>
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>7.532</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
*	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	10	-	-	-
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>7.522</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
1	UBND huyện Krông Nô	52	-	-	-
2	UBND huyện Cư Jút	11	-	-	-
3	UBND huyện Đắk Mil	14	-	-	-
4	UBND huyện Đắk Song	14	-	-	-
5	UBND huyện Đắk R'lấp	11	-	-	-
6	UBND huyện Tuy Đức	824	-	-	-
7	UBND huyện Đắk Glong	6.596	753	527	226
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
<b>I</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
1	UBND huyện Đắk Glong	87.323	8.732	6.112	2.620
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn trong nước)</b>	<b>205.947</b>	<b>83.612</b>	<b>44.302</b>	<b>39.310</b>
<b>I</b>	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>149.137</b>	<b>11.802</b>	<b>11.802</b>	<b>-</b>
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	-	-	-
2	Sở Y tế (Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông)	134.137	11.802	11.802	-
<b>II</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>56.810</b>	<b>71.810</b>	<b>32.500</b>	<b>39.310</b>
1	UBND huyện Krông Nô	2.144	3.153	1.009	2.144
2	UBND huyện Cư Jút	7.148	10.465	3.317	7.148
3	UBND huyện Đắk Mil	10.722	15.481	4.759	10.722
4	UBND huyện Đắk Song	2.859	4.301	1.442	2.859
5	UBND huyện Đắk R'lấp	7.148	10.609	3.461	7.148
6	UBND huyện Tuy Đức	25.000	25.000	17.500	7.500
7	UBND huyện Đắk Glong	1.789	2.513	724	1.789
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	-	288	288	-



Số: 34 /TTr-SKH

Đắk Nông, ngày 09 tháng 6 năm 2023

### TỜ TRÌNH

Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 bổ sung trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu

*quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

Thực hiện Công văn số 1006/UBND-KT ngày 07/03/2023 của UBND tỉnh về việc tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; ngày 09/3/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Công văn số 455/SKH-QLN gửi các Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất phương án phân bổ bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 804/SNN-VPĐP ngày 06/4/2023, Công văn số 1141/SNN-VPĐP ngày 19/5/2023, Công văn số 1316/SNN-VPĐP ngày 05/6/2023), Sở Lao động Thương binh và Xã hội (Công văn số 490/SLĐTBXH-BTXH&PCTN ngày 06/4/2023), Ban Dân tộc (Công văn số 242/BDT-NV ngày 14/3/2023, Công văn số 316/BDT-NV ngày 05/4/2023, Công văn số 397/BDT-NV ngày 26/4/2023), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, tổ chức cuộc họp với các sở ngành liên quan qua đã chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức 02 cuộc họp (đã có Thông báo Kết luận số 757/TB-SKH ngày 17/4/2023, Thông báo số 1113/TB-SKH ngày 30/5/2023).

Ngày 29/5/2023, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2927/UBND-KT về việc đăng ký bổ sung Nghị quyết giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN để thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; trong đó có nội dung: *“Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính có phương án bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo đối ứng đúng theo tỷ lệ Trung ương đã giao theo ý kiến của Ban Kinh tế -Ngân sách tại Công văn số 92/HĐND-KTNS ngày 25/5/2023 nêu trên”*.

Ngày 06/6/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Công văn số 1162/SKH-QLN gửi lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan; Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 852/SLĐTBXH-BTXH&PCTN ngày 07/6/2023), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 1340/SNN-NTM ngày 08/6/2023), Ban Dân tộc (Công văn số 563/BDT-NV ngày 09/6/2023), Sở Tài chính (Công văn số 1237/STC-ĐT ngày 09/6/2023), Sở Y tế (Công văn số 1473/SYT-KHTC ngày 07/6/2023), Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo và trình UBND tỉnh phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 bổ sung cho các sở, ngành, địa phương, cụ thể như sau:

## **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG

và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “...UBND tỉnh căn cứ kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh được giao tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc bảo đảm phù hợp với các quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH ngày 14/12/2022, các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình MTQG và các quy định của pháp luật có liên quan”.

Như vậy, để các đơn vị kịp thời triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## **II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG CHO CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Tuân thủ theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết của HĐND về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, trong đó:

1. Tỉnh giao bổ sung tổng mức kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 cho các sở, ban, ngành, địa phương, đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn được giao theo Quyết định số 147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về thông tin, số liệu, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung triển khai trong kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các tiêu chí, định mức (phương pháp tính điểm số cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố) được quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh

tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 24/2021/QH15; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

5. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### **III. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG CHO CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

**1. Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung thực hiện 03 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.**

Tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ là 300.802 triệu đồng, trong đó: vốn trong nước là 166.665 triệu đồng; vốn nước ngoài là 134.137 triệu đồng, cụ thể:

**1.1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Tổng vốn ngân sách Trung ương phân bổ bổ sung là 7.532 triệu đồng, cụ thể:

- Phân bổ 5.606 triệu đồng cho UBND huyện Đắk Glong để thực hiện Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

- Phân bổ 1.926 triệu đồng; cụ thể: Liên minh Hợp tác xã tỉnh là 10 triệu đồng và UBND cấp huyện là 1.916 triệu đồng để thực hiện Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10: Truyền

thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

### **1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:**

Tổng vốn ngân sách Trung ương bổ sung là 87.323 triệu đồng; cụ thể:

Phân bổ 87.323 triệu đồng cho UBND huyện Đăk Glông để thực hiện Tiêu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn thuộc Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo.

### **1.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ bổ sung là 205.947 triệu đồng, trong đó: vốn trong nước là 71.810 triệu đồng; vốn nước ngoài là 134.137 triệu đồng.

Theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2022 về hướng dẫn triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn NSTW năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, phương án phân bổ cụ thể như sau:

a) Ngân sách trung ương (vốn trong nước) là 71.810 triệu đồng, cụ thể:

- *Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)*: Phân bổ 15.000 triệu đồng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Mô hình “*Phát triển sản phẩm OCOP cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sinh thái bền vững tại huyện Đăk Mil*” đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023 về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (đợt 2).

- *Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước*: Phân bổ 25.000 triệu đồng cho huyện Tuy Đức, huyện “*trắng xã NTM*” có thêm nguồn lực phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 03 xã được công nhận đạt chuẩn NTM và không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- *Phân bổ chung, theo tiêu chí, hệ số*: Phân bổ 31.810 triệu đồng bổ sung cho cấp huyện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (phụ lục I ban hành kèm theo Công văn số 1486/BNN-VPĐP). Số vốn phân bổ cho các huyện đảm bảo tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn quy định tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh.

b) Ngân sách trung ương (vốn nước ngoài):

Phân bổ 134.137 triệu đồng cho Sở Y tế để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đăk Nông.

**2. Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia**

Tổng vốn đối ứng dự kiến là: 93.097 triệu đồng; trong đó, ngân sách tỉnh 50.941 triệu đồng, ngân sách huyện 42.156 triệu đồng, cụ thể:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi<sup>1</sup>: 753 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 527 triệu đồng.
- Ngân sách cấp huyện: 226 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững<sup>2</sup>: 8.732 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 6.112 triệu đồng.
- Ngân sách cấp huyện: 2.620 triệu đồng.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 83.612 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 44.302 triệu đồng.
- Ngân sách cấp huyện: 39.310 triệu đồng.

\* Phương án ngân sách địa phương đối ứng vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước):

Tổng vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) phải bố trí đối ứng để thực hiện là 71.810 triệu đồng để đối ứng để hỗ trợ cho các huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đã đề ra tại Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hỗ trợ cho huyện Tuy Đức (huyện trắng xã nông thôn mới) theo phương án:

- Bố trí ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) để đối ứng với ngân sách trung ương hỗ trợ cho huyện Tuy Đức là 25.000 triệu đồng, trong đó: Đề xuất huyện Tuy Đức đối ứng 7.500 triệu đồng (*tương đương 30% so với tổng vốn ngân sách trung ương được phân bổ*); phần còn lại (70%) đề xuất ngân sách tỉnh đối ứng và bố trí bổ sung về cho huyện để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Giao ngân sách các huyện (*Cư Jút, Đăk Mil, Đăk R'láp, Đăk Song, Krông Nô, Đăk G'long*) đối ứng 31.810 triệu đồng, các huyện bố trí vốn đối ứng đảm bảo tỷ lệ 1:1 so với ngân sách trung ương phân bổ.

- Phần vốn phải đối ứng ngân sách tỉnh còn lại 15.000 triệu đồng: Đề xuất phân bổ, bổ sung có mục tiêu cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu mà tỉnh đã đề ra.

<sup>1</sup> Ngân sách tỉnh hỗ trợ cấp huyện 70%, ngân sách huyện bố trí đối ứng 30% theo quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/6/2022

<sup>2</sup> Ngân sách tỉnh hỗ trợ cấp huyện 70%, ngân sách huyện bố trí đối ứng 30% theo quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/6/2022

\* Phương án ngân sách địa phương đối ứng vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài)

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (tại Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 02/11/2018, điều chỉnh tại Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019); Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của Bộ Y tế (tại Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018, điều chỉnh tại Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSĐP giai đoạn 2021-2025, đề đối ứng cho Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông. Đến nay kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSĐP giai đoạn 2021-2025 đã cân đối bố trí cho Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông là 11.802 triệu đồng (tại Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022, Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh).

Theo Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; trong đó, quy định cụ thể các khoản mục chi phí sử dụng từ nguồn vốn đối ứng (bao gồm cả phần chi trả thuế, phí).

Bên cạnh đó tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Y tế hướng dẫn các địa phương triển khai Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn theo quy định.

Tại Công văn số 2811/BYT-KHTC ngày 11/5/2023 Bộ Y tế có ý kiến: đối với nguồn vốn đối ứng, theo quy định tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phần chi trả thuế VAT sẽ do ngân sách địa phương bố trí. Trong trường hợp tăng tổng mức đầu tư, đề nghị UBND tỉnh báo cáo Bộ Y tế đề tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin phê duyệt và điều chỉnh theo quy định.

Đến nay kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSĐP giai đoạn 2021-2025 đã cân đối bố trí cho Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông là 11.802 triệu đồng (tại Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022, Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh).

Do đó, trường hợp Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chương trình làm tăng tổng mức đầu tư<sup>3</sup> thì Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung đảm bảo thực hiện đúng quy định.

*(Chi tiết có Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)*

<sup>3</sup> Theo ý kiến của Sở Y tế về nguồn vốn đối ứng cho Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông dự kiến khoảng 33.009 triệu đồng; trong đó, đã bố trí đối ứng là 11.802 triệu đồng; phần còn lại tăng thêm khoảng 21.207 triệu đồng (tại Công văn số 1150/SYT-KHTC ngày 8/5/2023).

#### IV. VỀ ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA 03 CHƯƠNG TRÌNH MTQG

##### 1. Tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Tại phụ lục II kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Đắk Nông đã giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Đối với nhiệm vụ “thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn” điều chỉnh “*Tỷ lệ xã*: ” thành “*Tỷ lệ thôn*”. Theo đó tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ghi nhầm “*xã*” thành “*thôn*” nên Quyết định số 147/QĐ-TTg điều chỉnh lại nội dung này cho phù hợp.

##### 2. Tại Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh

Tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh và tại điểm b khoản 1 mục I Điều 1 Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ như sau:

*“1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

...

*- Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 20 thôn, đạt tỷ lệ là 50%.”*

Như vậy, tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh đã đảm bảo theo quy định của Thủ tướng, do đó không phải điều chỉnh nhiệm vụ này.

#### V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ những nội dung nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 bổ sung, như sau:

1. Thống nhất phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Phụ lục I, II, III kèm theo.

2. Vốn ngân sách địa phương đối ứng bổ sung 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục IV kèm theo.

##### 3. Giao UBND tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, khẩn trương xây dựng Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết có liên quan để đảm bảo nguồn vốn đối ứng 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai



đoạn 2021-2025 và trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đủ vốn đối ứng trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập, trình và phê duyệt danh mục dự án đầu tư theo quy định; UBND cấp huyện lập, trình HĐND cấp huyện phê duyệt chi tiết danh mục dự án đầu tư; trong đó, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính khả thi, hiệu quả, bảo đảm trọng tâm trọng điểm, dứt khoát không dàn trải, manh mún, trùng lặp phạm vi, đối tượng để tổ chức thực hiện.

c) Chỉ đạo các Sở, ban ngành hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn vướng mắc (nếu có) để các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo tiến độ giải ngân vốn theo kế hoạch đề ra, chất lượng, hiệu quả công trình. Đồng thời, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định.

Tuy nhiên, căn cứ Quy chế làm việc số 02-QC/TU ngày 10/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh báo cáo Ban cán sự đảng UBND tỉnh xin ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

*(Gửi kèm theo Dự thảo: (1) Tờ trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh; (2) Nghị quyết của HĐND tỉnh; (3) Dự thảo văn bản của Ban cán sự đảng UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy; (4) các Phụ lục)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Dân tộc;
- Các Sở: TC, NNPTNT, LĐTĐBXH;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, QL.N.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Ngô Xuân Đông**

Phụ lục I

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SKH ngày tháng 6 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục các chương trình	Tổng cộng	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung						Ghi chú
			Ngân sách Trung ương		Vốn đối ứng của Ngân sách địa phương				
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>393.899</b>	<b>300.802</b>	<b>166.665</b>	<b>134.137</b>	<b>93.097</b>	<b>50.941</b>	<b>42.156</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	<b>8.285</b>	7.532	7.532	-	753	527	226	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	<b>96.055</b>	87.323	87.323	-	8.732	6.112	2.620	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	<b>289.559</b>	205.947	71.810	134.137	83.612	44.302	39.310	

## Phụ lục II

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SKH ngày / tháng 6 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

DVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiêu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 bổ sung						Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Ngân sách huyện	
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>	<b>247.960</b>	<b>166.665</b>	<b>81.295</b>	<b>39.139</b>	<b>42.156</b>		
<b>A</b>	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	<b>8.285</b>	<b>7.532</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>		
<b>I</b>	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	<b>6.359</b>	<b>5.606</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>		
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	<b>6.359</b>	<b>5.606</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>		
*	Phân cấp cho cấp huyện	<b>6.359</b>	<b>5.606</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>		
I	UBND huyện Đắk Glong	<b>6.359</b>	<b>5.606</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>		
<b>II</b>	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	<b>1.926</b>	<b>1.926</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	<b>1.926</b>	<b>1.926</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
*	Các Sở, ban, ngành	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
*	Phân cấp cho cấp huyện	<b>1.916</b>	<b>1.916</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
I	UBND huyện Krông Nô	<b>52</b>	<b>52</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
2	UBND huyện Cư Jút	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 bổ sung							Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương				Ngân sách huyện	
				Tổng	Ngân sách tỉnh				
3	UBND huyện Đắk Mil	14	14	-	-	-	-		
4	UBND huyện Đắk Song	14	14	-	-	-	-		
5	UBND huyện Đắk Rlấp	11	11	-	-	-	-		
6	UBND huyện Tuy Đức	824	824	-	-	-	-		
7	UBND huyện Đắk Glông	990	990	-	-	-	-		
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>			
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>96.055</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>			
	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620			
*	Phân cấp cho cấp huyện	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620			
-	UBND huyện Đắk Glông	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620			
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>	<b>143.620</b>	<b>71.810</b>	<b>71.810</b>	<b>32.500</b>	<b>39.310</b>			
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ thực hiện mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
<b>I</b>	<b>Thực hiện mô hình chỉ đạo điểm về Chương trình mới xã một sản phẩm (OCOP)</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
*	Các Sở, ban, ngành	15.000	15.000	-	-	-			
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	15.000	-	-	-			
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (theo chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước); Hỗ trợ cho huyện "trắng xã nông thôn mới"</b>	<b>50.000</b>	<b>25.000</b>	<b>25.000</b>	<b>17.500</b>	<b>7.500</b>			
*	Phân cấp cho cấp huyện	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500			

STT	Chương trình/Dự án, tiêu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 bổ sung					Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
-	UBND huyện Tuy Đức	50.000	25.000	25.000	17.500	7.500	(1): Giao huyện Tuy Đức phân bổ cho xã theo quy định (2): để xuất huyện bổ trí vốn đối ứng bằng 30% tổng vốn được giao; tỉnh hỗ trợ 70% còn lại
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ bổ sung cho các huyện, xã thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2025 (theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND)</b>	<b>78.620</b>	<b>31.810</b>	<b>46.810</b>	<b>15.000</b>	<b>31.810</b>	
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>0</b>			<b>15.000</b>		
1	UBND huyện Krông Nô	5.297	2.144	3.153	1.009	2.144	
2	UBND huyện Cư Jút	17.613	7.148	10.465	3.317	7.148	
3	UBND huyện Đắk Mil	26.203	10.722	15.481	4.759	10.722	
4	UBND huyện Đắk Song	7.160	2.859	4.301	1.442	2.859	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	17.757	7.148	10.609	3.461	7.148	
6	UBND huyện Đắk Glong	4.302	1.789	2.513	724	1.789	
7	UBND thành phố Gia Nghĩa	288		288	288	0	

**Ghi chú:**

Phân bổ 15.000 triệu đồng, nguồn ngân sách tỉnh theo các tiêu chí tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh

Phụ lục III

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ CƠ SỞ VÙNG KHÓ KHĂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Tờ trình số /TTTr-SKH ngày tháng 6 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh (đối ứng)	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>134.137</b>	<b>11.802</b>	
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông	Sở Y tế	134.137	11.802	Tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 HĐND tỉnh; trong đó, đã bố trí 11.802 triệu đồng

**Phụ lục IV**

**TỔNG HỢP VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SKH ngày tháng 6 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
			Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	<b>TỔNG CỘNG = A+B+C</b>	<b>300.802</b>	<b>93.097</b>	<b>50.941</b>	<b>42.156</b>
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>7.532</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
*	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>10</b>	-	-	-
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	10	-	-	-
*	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>7.522</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
1	UBND huyện Krông Nô	52	-	-	-
2	UBND huyện Cư Jút	11	-	-	-
3	UBND huyện Đắk Mil	14	-	-	-
4	UBND huyện Đắk Song	14	-	-	-
5	UBND huyện Đắk R'lấp	11	-	-	-
6	UBND huyện Tuy Đức	824	-	-	-
7	UBND huyện Đắk Glong	6.596	753	527	226
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
<b>I</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>87.323</b>	<b>8.732</b>	<b>6.112</b>	<b>2.620</b>
1	UBND huyện Đắk Glong	87.323	8.732	6.112	2.620
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối ứng vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)</b>	<b>205.947</b>	<b>83.612</b>	<b>44.302</b>	<b>39.310</b>
<b>I</b>	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>149.137</b>	<b>11.802</b>	<b>11.802</b>	-
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000	-	-	-
2	Sở Y tế	134.137	11.802	11.802	-
<b>II</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>56.810</b>	<b>71.810</b>	<b>32.500</b>	<b>39.310</b>
1	UBND huyện Krông Nô	2.144	3.153	1.009	2.144
2	UBND huyện Cư Jút	7.148	10.465	3.317	7.148
3	UBND huyện Đắk Mil	10.722	15.481	4.759	10.722
4	UBND huyện Đắk Song	2.859	4.301	1.442	2.859
5	UBND huyện Đắk R'lấp	7.148	10.609	3.461	7.148
6	UBND huyện Tuy Đức	25.000	25.000	17.500	7.500
7	UBND huyện Đắk Glong	1.789	2.513	724	1.789
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	-	288	288	-

**UBND TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1316 /SNN-NTM

*Đắk Nông, ngày 05 tháng 6 năm 2023*

V/v đề xuất phương án giao kế hoạch  
nguồn vốn đầu tư phát triển bổ sung thực  
hiện Chương trình MTQG xây dựng  
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2568/UBND-KT ngày 15/5/2023 về việc phương án phân khai vốn đầu tư phát triển năm 2023 thực hiện các Đề án/Chương trình chuyên đề và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương bổ sung thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Theo đó, ngày 19/5/2023 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Công văn số 1141/SNN-VPĐP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về đề xuất phương án phân khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trong đó đã căn cứ các quy định của trung ương và của tỉnh để đề xuất phương án giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh; đồng thời đề xuất phương án bố trí 205.947 triệu đồng vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) để đối ứng với ngân sách trung ương nhằm đảm bảo tỷ lệ đối ứng 1:1 theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tuy nhiên, theo ý kiến của các đại biểu tham dự tại cuộc họp ngày 30/5/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức có đề nghị: Đối với nguồn vốn nước ngoài ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn thì chỉ đối ứng theo quy định của Hiệp định vay vốn; đối với nguồn vốn trong nước ngân sách trung ương bổ sung để thực hiện xây dựng nông thôn mới thì mới phải bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng theo tỷ lệ 1:1 theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính.

Trên cơ sở các ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Thông báo kết luận số 1113/TB-SKH; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện phương án giao kế hoạch nguồn vốn đầu tư phát triển bổ sung thực hiện Chương trình mục



tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, ngày 31/5/2023 đã ban hành Công văn số 1272/SNN-NTM để lấy ý của Sở Y tế và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa về đề xuất phương án giao kế hoạch vốn bổ sung.

Đến nay, sau khi nhận được văn bản góp ý của Sở Y tế và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện đề xuất phương án giao kế hoạch nguồn vốn đầu tư phát triển bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (có Đề xuất phương án giao kế hoạch vốn và các văn bản góp ý của Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa kèm theo).

Với nội dung trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu phân bổ theo quy định./.

**Nơi nhận :**

- Như trên ;
- Ban Giám đốc Sở;
- VPĐP NTM tỉnh (th/h);
- Phòng Tài chính Kế hoạch Sở (ph/h);
- Lưu: VT, VPĐP (T).

**GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Đắk Nông, ngày tháng 6 năm 2023

## **ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN**

**Giao kế hoạch bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Công văn số...../SNN-NTM ngày...../6/2023 của  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

### **I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Công văn số 2811/BYT-KHTC ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, vốn vay ODA của ADB.

- Công văn số 330/VPĐP-KHTC&GS ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc hướng dẫn bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng với vốn ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân

bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Công văn số 561/SYT-KHTC ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Sở Y tế về đề xuất phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) thực hiện đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các văn bản đề xuất nhu cầu nguồn vốn bổ sung để thực hiện xây dựng nông thôn mới của các huyện, thành phố.

- Công văn số 1140/SYT-KHTC ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về việc giải trình phương án phân bổ vốn nước ngoài thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 1150/SYT-KHTC ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025.

- Các văn bản đề xuất nhu cầu nguồn vốn đầu tư phát triển bổ sung để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

- Các ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp ngày 30 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức.

## **II. PHƯƠNG ÁN GIAO KẾ HOẠCH BỔ SUNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; theo đó tỉnh Đắk Nông được giao bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là **205.947 triệu đồng** (trong đó: vốn trong nước 71.810 triệu đồng; vốn nước ngoài 134.137 triệu đồng). Căn cứ các quy định, văn bản hướng dẫn tại mục I nêu trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất phân khai nguồn vốn này như sau:

### **1. Đối với nguồn vốn nước ngoài**

Tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, trung ương bổ sung cho tỉnh Đắk Nông **134.137 triệu đồng** để

thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 2811/BYT-KHTC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc hướng dẫn triển khai Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, vốn vay ODA của ADB và đề xuất của Sở Y tế tại Công văn số 561/SYT-KHTC ngày 14 tháng 3 năm 2023; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ tổng thể 134.137 triệu đồng (*vốn nước ngoài*) cho Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn ODA và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại tỉnh Đắk Nông để tham mưu thực hiện “*Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*”.

## **2. Đối với nguồn vốn trong nước**

Tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, trung ương bổ sung cho tỉnh Đắk Nông **71.810 triệu đồng** để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất phương án phân khai nguồn vốn này như sau:

**a) Phân bổ 15.000 triệu đồng để thực hiện mô hình chỉ đạo điểm của trung ương về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)**

Tại Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hướng dẫn, quy định: Phân bổ 15.000 triệu đồng để triển khai một số mô hình chỉ đạo điểm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương, phát triển chế biến quy mô nhỏ và vừa; sản phẩm OCOP xanh gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò cộng đồng (*Danh sách các mô hình cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt*).

Hiện nay tỉnh Đắk Nông đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt mô hình “**Phát triển sản phẩm OCOP cả phê chất lượng cao, cả phê đặc sản gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sinh thái bền vững tại huyện Đắk Mil**” tại Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023. Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ mới phê duyệt tên mô hình và đề

ngộ UBND tỉnh chỉ đạo, giao các đơn vị có liên quan lập dự án/kế hoạch chi tiết xây dựng mô hình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang nghiên cứu đề tham mưu lập dự án/kế hoạch chi tiết để trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Do đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ tổng thể 15.000 triệu đồng để thực hiện mô hình “*Phát triển sản phẩm OCOP cả phê chất lượng cao, cả phê đặc sản gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sinh thái bền vững tại huyện Đăk Mil*”; đồng thời giao cho UBND tỉnh phân bổ chi tiết nguồn vốn này cho các đơn vị, địa phương có liên quan để tổ chức thực hiện theo quy định sau khi dự án/kế hoạch thực hiện mô hình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

***b) Phân bổ 25.000 triệu đồng thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (theo chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước)***

Tại Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hướng dẫn, quy định: Bổ sung 25.000 triệu đồng cho huyện Tuy Đức (huyện trắng xã nông thôn mới) có thêm nguồn lực phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 03 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và không còn xã dưới 15 tiêu chí.

Do đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ 25.000 triệu đồng cho huyện Tuy Đức để thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; đồng thời giao huyện Tuy Đức phân bổ cụ thể nguồn vốn này cho các xã, các nội dung nhằm đảm bảo đạt các mục tiêu được giao nêu trên.

***c) Phân bổ 31.810 triệu đồng còn lại cho các huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025***

Tại mục “**3. Định mức phân bổ tại các tỉnh**” của mục I Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hướng dẫn, quy định: “*Căn cứ tổng vốn đầu tư phát triển (vốn trong nước, vốn nước ngoài) được giao và điều kiện thực tế của từng tỉnh, UBND các tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình HĐND cùng cấp quyết định (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg) ...*”;

Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định: “*Đối với kế hoạch vốn đầu tư phát triển: Căn cứ vào mục tiêu phấn đấu thực hiện Chương trình đến năm 2025 và điều kiện thực tế, các tỉnh xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các huyện, xã đảm bảo tổng mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các xã, huyện trong cả giai đoạn 2021-2025*

được thực hiện theo các nguyên tắc **ưu tiên hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định này; ...**”;

Tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định: **“Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (trừ các xã an toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ), xã đạt dưới 15 tiêu chí”**.

Căn cứ các mục tiêu về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được Tỉnh ủy đề ra tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 16 tháng 12 năm 2021 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và đã được UBND tỉnh cụ thể hóa tại Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Để phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu đã đề ra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất phân bổ nguồn vốn này để bổ sung cho các huyện, các xã chưa đạt chuẩn, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2023-2025; cụ thể:

**\* Về các huyện, xã được bố trí vốn bổ sung:**

- Đối với cấp huyện: Bổ sung vốn cho 03 huyện: Cư Jút, Đắk Mil và Đắk R’lấp để có thêm nguồn lực phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- Đối với cấp xã: Bổ sung vốn cho 7 xã: Xã Đắk Gản, Long Sơn huyện Đắk Mil; xã Đắk Mol, Đắk N’Đrung huyện Đắk Song; xã Năm N’Đir, Năm Nung huyện Krông Nô; xã Đắk Ha huyện Đắk G’long để có thêm nguồn lực phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới.

Đối với xã Đắk Búk Sor huyện Tuy Đức cũng nằm trong kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025; tuy nhiên đề xuất không bố trí bổ sung cho xã trong nguồn vốn này, mà giao huyện Tuy Đức bố trí cho xã trong tổng nguồn vốn 25.000 triệu đồng đã được ưu tiên phân bổ tại điểm b mục này.

**\* Về tiêu chí phân bổ:**

Áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cụ thể:

- Phân bổ cho đối tượng huyện (3 huyện): Hệ số 20,0/huyện.

- Phân bổ cho xã đạt dưới 15 tiêu chí (có 4 xã): Hệ số 5,0/xã.
- Phân bổ cho xã đạt từ 15-18 tiêu chí (có 3 xã): Hệ số 3,0/xã.

**\* Về định mức phân bổ theo hệ số 1,0:**

Theo tiêu chí, hệ số phân bổ cho các huyện, xã nêu trên thì tổng hệ số phân bổ là 89,0. Do đó định mức phân bổ theo hệ số 1,0 là 357,4 triệu đồng (= 31.810 triệu đồng : 89).

**\* Về tổng vốn bổ sung cho từng huyện:**

Với hệ số và định mức phân bổ nêu trên thì tổng vốn đề xuất bổ sung cho các huyện như sau:

- Đối với huyện Đắk R'lấp: 357,4 triệu đồng x 20,0 = 7.148 triệu đồng.
- Đối với huyện Cư Jút: 357,4 triệu đồng x 20,0 = 7.148 triệu đồng.
- Đối với huyện Đắk Mil: 357,4 triệu đồng x 30,0 = 10.722 triệu đồng.
- Đối với huyện Đắk Song: 357,4 triệu đồng x 8,0 = 2.859 triệu đồng.
- Đối với huyện Krông Nô: 357,4 triệu đồng x 6,0 = 2.144 triệu đồng.
- Đối với huyện Đắk G'long: 357,4 triệu đồng x 5,0 = 1.789 triệu đồng.

### **III. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN GIAO KẾ HOẠCH BỔ SUNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **1. Đề xuất giao kế hoạch bổ sung tổng nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng giai đoạn 2021-2025**

Tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định: “6. *Vốn đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia là ngân sách địa phương, được bố trí, cân đối trong kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và trong dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm để trực tiếp thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.*”

Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định: “b) *Ngân sách địa phương đảm bảo cân đối, bố trí vốn đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định.*”

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “1. *Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm mức quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương*

trình. 2. Các tỉnh phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Điều 8 của Quyết định này để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt: ...”. Tại điểm b, khoản 2 Điều 8 quy định: “b) Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% đến dưới 80%: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1); trong đó tỉnh Đắk Nông được xác định thuộc nhóm tỉnh phải bố trí vốn đối ứng theo tỷ lệ 1:1.

Tại Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: “Hàng năm ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu 1:1). Giao UBND tỉnh cân đối nguồn lực, xây dựng phương án đối ứng của các cấp ngân sách trong kế hoạch 5 năm và hàng năm nhằm đảm bảo tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định.”.

Hiện nay trong các văn bản quy định về quản lý, phân bổ, bố trí vốn đối ứng của trung ương và của tỉnh không quy định bắt buộc phải bố trí vốn đối ứng theo từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, công trình,...Đồng thời, theo hướng dẫn của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tại Công văn số 330/VPĐP-KHTC&GS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng với vốn ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: “...tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định phương án cân đối, bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ...”.

Theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia thì tỉnh Đắk Nông được giao bổ sung nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 205.947 triệu đồng (bao gồm cả vốn nước ngoài và vốn trong nước). Do đó, ngân sách địa phương phải cân đối, bố trí vốn để đối ứng với ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 là 205.947 triệu đồng.

Do đó, tại Công văn số 1141/SNN-VPĐP ngày 19/5/2023 về đề xuất phương án phân khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề xuất bố trí tổng vốn



ngân sách địa phương đối ứng với tổng nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh là 205.947 triệu đồng.

Tuy nhiên, theo ý kiến của các đại biểu tham dự tại cuộc họp ngày 30/5/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức có đề nghị: Đối với nguồn vốn nước ngoài ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn thì chỉ đối ứng theo quy định của Hiệp định vay vốn; đối với nguồn vốn trong nước ngân sách trung ương bổ sung để thực hiện xây dựng nông thôn mới thì mới phải bố trí vốn ngân sách địa phương đối ứng theo tỷ lệ 1:1 theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính.

Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất tham mưu bố trí ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) để đối ứng với ngân sách trung ương là **104.819 triệu đồng**, trong đó: bố trí 33.009 triệu đồng để đối ứng thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn theo quy định của Hiệp ước vay vốn; bố trí 71.810 triệu đồng để đối ứng thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

## **2. Đề xuất phương án bố trí, phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng**

Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương phải bổ sung bố trí đối ứng với ngân sách trung ương là **104.819 triệu đồng**; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất phương án giao kế hoạch bổ sung nguồn vốn đối ứng này như sau:

### ***a) Bố trí vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) đối ứng để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn theo Hiệp định vay vốn***

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, Sở Y tế có Công văn số 1150/SYT-KHTC về nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025; theo đó Sở Y tế đề xuất nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn là **33.009 triệu đồng**, bao gồm: 11.802 triệu đồng đã giao kế hoạch tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 và Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh).

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất đề xuất giao kế hoạch ngân sách tỉnh **33.009 triệu đồng** (bao gồm: 11.802 triệu đồng đã giao kế hoạch tại Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 và Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh) cho Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn ODA và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại tỉnh Đắk Nông

để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn nhằm đáp ứng theo yêu cầu của Hiệp định vay vốn.

***b) Bố trí vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng để thực hiện các nội dung, mục tiêu về xây dựng nông thôn mới***

Tổng vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) phải bổ sung đối ứng còn lại (sau khi trừ 33.009 triệu đồng đã đối ứng để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn) là **71.810 triệu đồng**.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Ngân sách địa phương tập trung đầu tư, hỗ trợ cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định”.

Do đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất phương án bố trí, phân bổ **71.810 triệu đồng** nguồn vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng để hỗ trợ cho các huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đã đề ra tại Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hỗ trợ cho huyện Tuy Đức (huyện trắng xã nông thôn mới) theo hướng:

- Bố trí ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) để đối ứng với ngân sách trung ương hỗ trợ cho huyện Tuy Đức là 25.000 triệu đồng, trong đó: Đề xuất huyện Tuy Đức đối ứng 7.500 triệu đồng (tương đương 30% so với tổng vốn ngân sách trung ương được phân bổ); phần còn lại (70%) đề xuất ngân sách tỉnh đối ứng và bố trí bổ sung về cho huyện để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Giao ngân sách các huyện (Cư Jút, Đăk Mil, Đăk R'láp, Đăk Song, Krông Nô, Đăk G'long) đối ứng 31.810 triệu đồng, các huyện bố trí vốn đối ứng đảm bảo tỷ lệ 1:1 so với ngân sách trung ương phân bổ.

- Phần vốn phải đối ứng còn lại 15.000 triệu đồng: Đề xuất bố trí ngân sách cấp tỉnh đối ứng và phân bổ, bổ sung có mục tiêu cho các địa phương phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu mà tỉnh đã đề ra.

Như vậy, tổng vốn ngân sách địa phương đối ứng là 104.819 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh đối ứng 65.509 triệu đồng (đã bao gồm 11.802 triệu đồng đã giao kế hoạch vốn để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn); ngân sách cấp huyện đối ứng là 39.310 triệu đồng.

*(Có Phương án giao kế hoạch chi tiết theo Phụ lục kèm theo)*

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên đây là đề xuất phương án giao kế hoạch nguồn vốn đầu tư phát triển bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu giao kế hoạch vốn bổ sung cho các đơn vị, địa phương theo quy định. Trong trường hợp chưa bố trí được ngân sách địa phương đối ứng với ngân sách trung ương theo quy định; đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tham mưu giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương trước để các đơn vị, địa phương sớm có căn cứ, triển khai tổ chức thực hiện và giải ngân nguồn vốn đảm bảo theo quy định./.

\*\*\*\*\*



II	Hỗ trợ thực hiện mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương về Chương trình OCOP	15.000	15.000	1	15.000	15.000	-	0	-	-	-	-	-	-
-	Thực hiện mô hình: Phát triển sản phẩm OCOP cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sinh thái bền vững tại huyện Đắk Mil	15.000	15.000	1	15.000	15.000	-	0	-	-	-	-	-	-
III	Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (theo chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước)	50.000	25.000	1	25.000	25.000	-	25.000	1	25.000	17.500	7.500	7.500	Đề xuất huyện bố trí vốn đối ứng bằng 30% tổng vốn được giao; tỉnh hỗ trợ 70% còn lại
-	Hỗ trợ cho huyện Tuy Đức, huyện "trắng xã nông thôn mới"	50.000	25.000	1	25.000	25.000	-	25.000	1	25.000	17.500	7.500	7.500	
IV	Hỗ trợ bổ sung cho các huyện, xã thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2025 (theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND)	78.620	31.810	89	357,4	31.810	-	46.810	104	144,2	15.000	31.810	31.810	
5	Huyện Krông Nô	5.297	2.144	6	357,4	2.144	-	3.153	7	144,2	1.009	2.144	2.144	
2	Huyện Cư Jút	17.613	7.148	20	357,4	7.148	-	10.465	23	144,2	3.317	7.148	7.148	
3	Huyện Đắk Mil	26.203	10.722	30	357,4	10.722	-	15.481	33	144,2	4.759	10.722	10.722	
4	Huyện Đắk Song	7.160	2.859	8	357,4	2.859	-	4.301	10	144,2	1.442	2.859	2.859	
1	Huyện Đắk R'lấp	17.757	7.148	20	357,4	7.148	-	10.609	24	144,2	3.461	7.148	7.148	



Số: 563 /BDT-NV

Đắk Nông, ngày 09 tháng 6 năm 2023

V/v ý kiến về phương án phân bổ  
kế hoạch vốn đầu tư phát triển  
nguồn NSTW bổ sung thực hiện  
03 Chương trình MTQG giai đoạn  
2021-2025.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 06/6/2023, Ban Dân tộc nhận được Công văn số 1162/SKH-QLN của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến về phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW bổ sung thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, ngày 09/6/2023, Ban Dân tộc đã tổ chức cuộc họp thống nhất với các sở, ngành và các huyện thống nhất phương án phân bổ (Có biên bản kèm theo), trên cơ sở đó, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phân bổ nguồn vốn bổ sung như sau:

### **1. Căn cứ phân bổ:**

- Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 và Điều 11 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **2. Phương án phân bổ:**

**a. Đối với Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3: Phát triển SX nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để SXHH theo chuỗi giá trị**

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển là: 6.359 triệu đồng, phân bổ cho UBND huyện Đắk Glong; trong đó:

- + Ngân sách Trung ương là: 5.606 triệu đồng,
- + Ngân sách địa phương là: 753 triệu đồng (bao gồm: Ngân sách tỉnh là: 527 triệu đồng, ngân sách huyện là: 226 triệu đồng)

**b. Đối với Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

Thực hiện Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, trên cơ sở Thông tư hướng dẫn nêu trên, Ban Dân tộc đề xuất phân bổ nguồn vốn đầu tư đối với Tiểu dự án 2 thuộc dự án 10, cụ thể như sau:

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển là: 1.926 triệu đồng, trong đó:
  - + Liên minh Hợp tác xã tỉnh là: 10 triệu đồng,
  - + UBND huyện Đắk Song là: 14 triệu đồng,
  - + UBND huyện Cư Jút là: 11 triệu đồng,
  - + UBND huyện Đắk Mil là: 14 triệu đồng,
  - + UBND huyện Krông Nô là: 52 triệu đồng,
  - + UBND huyện Đắk R'lấp là: 11 triệu đồng,
  - + UBND huyện Tuy Đức là: 824 triệu đồng,
  - + UBND huyện Đắk Glong là: 990 triệu đồng.

**Chi tiết có phụ lục kèm theo.**

Trên đây là đề xuất phương án phân bổ vốn bổ sung theo Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tham mưu UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- TB, PTB BDT;
- Các phòng BDT;
- Lưu: VT, NV(C).



**Phan Đình Hiến**



Phụ lục I

GIAO BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục các chương trình	Tổng cộng	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung						Ghi chú
			Ngân sách Trung ương			Vốn đối ứng của Ngân sách địa phương (dự kiến)			
			Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.285</b>	7.532	7.532	0	753	527	226	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	<b>8.285</b>	7.532	7.532	-	753	527	226	

**GIAO BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung						Ghi chú
		Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương			
		Tổng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
<b>A</b>	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.285	7.532	-	753	527	226	
<b>I</b>	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	6.359	5.606	-	753	527	226	
<b>I</b>	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6.359	5.606	-	753	527	226	
<b>*</b>	Phân cấp cho cấp huyện	6.359	5.606	-	753	527	226	
<b>I</b>	UBND huyện Đắk Glong	6.359	5.606	-	753	527	226	
<b>II</b>	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.926	1.926	-	-	-	-	
<b>I.1</b>	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.926	1.926	-	-	-	-	
<b>*</b>	Các Sở, ban, ngành	10	10	-	-	-	-	
<b>I</b>	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	10	10	-	-	-	-	
<b>*</b>	Phân cấp cho cấp huyện	1.916	1.916	-	-	-	-	
<b>I</b>	UBND huyện Krông Nô	52	52	-	-	-	-	
<b>2</b>	UBND huyện Cư Jút	11	11	-	-	-	-	
<b>3</b>	UBND huyện Đắk Mil	14	14	-	-	-	-	
<b>4</b>	UBND huyện Đắk Song	14	14	-	-	-	-	
<b>5</b>	UBND huyện Đắk Riáp	11	11	-	-	-	-	
<b>6</b>	UBND huyện Tuy Đức	824	824	-	-	-	-	
<b>7</b>	UBND huyện Đắk Glong	990	990	-	-	-	-	

**Phụ lục III**

**TỔNG HỢP VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN  
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
			Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	<b>TỔNG CỘNG = A+B+C</b>	<b>#REF!</b>	<b>#REF!</b>	<b>#REF!</b>	<b>#REF!</b>
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>7.532</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
<b>I</b>	<b>Các Sở, ban, ngành</b>	<b>10</b>			
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	<b>10</b>			
<b>II</b>	<b>Phân cấp cho cấp huyện</b>	<b>7.522</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>
1	UBND huyện Krông Nô	<b>52</b>			
2	UBND huyện Cư Jút	<b>11</b>			
3	UBND huyện Đắk Mil	<b>14</b>			
4	UBND huyện Đắk Song	<b>14</b>			
5	UBND huyện Đắk R'lấp	<b>11</b>			
6	UBND huyện Tuy Đức	<b>824</b>			
7	UBND huyện Đắk Glong	<b>6.596</b>	<b>753</b>	<b>527</b>	<b>226</b>

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
**SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 490 /SLĐT BXH-BTXH&PCTN

Đắk Nông, ngày 06 tháng 04 năm 2023

V/v phân bổ kế hoạch vốn đầu tư  
phát triển nguồn ngân sách Trung ương  
giai đoạn 2021 - 2025 bổ sung thực hiện  
Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông

Sở Lao động – TB&XH nhận được Công văn số 647/SKH-QLN ngày 04/4/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 bổ sung thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo các nội dung, cụ thể như sau:

**1. Cơ sở pháp lý bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 -2025;

- Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh, về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông 2023;

- Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông 2023;

- Kế hoạch số 797/KH-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc hỗ trợ huyện Đắk Glong tỉnh Đắk Nông thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

## **2. Mức bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Tiêu dự án 2, Dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển (trung ương và đối ứng địa phương) thực hiện Tiêu dự án 2, Dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phân cấp cho huyện Đắk Glong: 96.055 triệu đồng (Biểu phụ lục 01 đính kèm), Trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 87.323 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 87.323 triệu đồng). (147/QĐ) - TTg ngày 23/02/2023).

+ Ngân sách đối ứng địa phương: 8.732 triệu đồng (ngân sách tỉnh 6.112 triệu đồng, ngân sách huyện 2.620 triệu đồng). (?)

## **3. Danh mục dự án đầu tư**

Đã được phê duyệt tại Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt danh mục phê duyệt danh mục đầu tư Tiêu dự án 2, Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông năm 2023 (Phụ lục 2 đính kèm).

## **4. Khó khăn, vướng mắc**

Tại Quyết định số 184/QĐ-UBND, ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, tổng nguồn vốn đầu tư phát triển Trung ương phân bổ là 87.720 triệu đồng (nguồn lấy số liệu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội). Tuy nhiên, tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ đã phân bổ Tiêu dự án 2, Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông là 87.323 triệu đồng. Do đó, Sở Lao động - TB&XH sẽ phối hợp với UBND huyện Đắk Glong đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 184/QĐ-UBND, ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông để khớp với nguồn ngân sách Trung ương phân bổ.

Với các nội dung nêu trên, Sở Lao động – TB&XH đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c GD Sở;
- UBND huyện Đắk Glong;
- Lưu: VT, BTXH&PCTN.



Nguyễn Công Tự

**Phụ lục I**

**PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

*(Kèm theo Công văn số /SLĐT BXH-BTXH&PCTN ngày tháng 4 năm 2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)*

STT	Chương trình/Dự án, tiêu dự án	Giai đoạn 2021-2025				
		Tổng số	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
				Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620
1	Tiêu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620
*	<i>Phân cấp cho UBND huyện Đắk Glong</i>	96.055	87.323	8.732	6.112	2.620



Số: 1473/SYT-KHTC

*Đắk Nông, ngày 07 tháng 6 năm 2023*

V/v góp ý kiến về phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW bổ sung thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

Kính gửi: Sở kế hoạch và đầu tư.

Sở Y tế nhận được Công văn số 1162/SKH-QLN ngày 06/6/2023 của Sở kế hoạch và đầu tư về việc lấy ý kiến về phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW bổ sung thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Sau khi xem xét, Sở Y tế có ý kiến góp ý như sau:

Thông nhất với phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW bổ sung thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 do Sở kế hoạch và đầu tư trình bày tại Công văn số 1162/SKH-QLN ngày 06/6/2023.

Tuy nhiên, để thuận lợi cho quá trình thực hiện và quyết toán hoàn thành Chương trình khi kết thúc; Sở Y tế đề nghị như sau:

- Tại Phụ lục II và III. Tổng hợp vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: Đề nghị điều chỉnh tên Chủ đầu tư thực hiện Chương trình: “**Sở Y tế**” thành “**Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông**” cho phù hợp với giao nhiệm vụ Chủ đầu tư đã được giao tại Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 về việc thành lập Ban quản lý “Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, sử dụng vốn ODA và vốn viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý của UBND tỉnh. Nội dung này, Sở Y tế đã có Công văn số 1436/SYT-KHTC ngày 02/6/2023 về việc góp ý phương án giao kế hoạch bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, Ban Quản lý Chương trình cấp tỉnh cũng đã được cấp nguồn vốn đối ứng hành chính sự nghiệp năm 2022 và 2023 theo đúng tên Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông. Như vậy, việc điều chỉnh tên đơn vị giao vốn như đề nghị sẽ thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện và quyết toán hoàn thành, đánh giá thực hiện Chương trình khi kết thúc vào năm 2025 và phù hợp với nhiệm vụ Chủ đầu tư đã được UBND tỉnh giao.



- Đề nghị điều chỉnh thông tin theo Phụ lục đính kèm đối với các Phụ II và III: Tên chủ đầu tư và nội dung điều chỉnh, bổ sung: Tổng số vốn đối ứng cấp 33.009 triệu đồng, đã cấp 11.802 triệu đồng và đề nghị bổ sung là 21.207 triệu đồng để tránh nhầm lẫn với số đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 tại: Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 và Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh (11.802 triệu đồng).

Trên đây là góp ý phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW bổ sung thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, Sở Y tế kính đề nghị Sở kế hoạch và đầu tư xem xét, tạo điều kiện xử lý./.

*Nơi nhận:* 

- Như trên;
- Sở NN&PTNT (p/hợp);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NVYD, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



  
**Trần Quang Hào**

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1237/STC-ĐT

V/v ý kiến về phương án phân bổ kế  
hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn  
NSTW bổ sung thực hiện 03  
Chương trình MTQG giai đoạn  
2021-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 09 tháng 6 năm 2023


Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1162/SKH-QLN ngày 06/6/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc ý kiến về phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW bổ sung thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Về phương án bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025:

- Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo phương án bố trí tại dự thảo Tờ trình và Nghị quyết là phù hợp quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại phương án đối ứng của ngân sách địa phương tại dự thảo để đảm bảo phù hợp với tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Đây là nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện đối ứng, do vậy đề nghị cơ quan chủ trì căn cứ tổng mức kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ, khả năng cân đối nguồn lực để đề xuất phương án bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách phù hợp, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc quy định của trung ương và tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sở Tài chính có ý kiến gửi Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PGĐ Sở: Nguyễn Ngọc Đức (b/c);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Đức

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 1486 /BNN-VPĐP

V/v hướng dẫn triển khai vốn bổ sung  
kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn  
2021-2025 và kế hoạch vốn NSTW năm 2023  
thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Các bộ, ngành trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố  
trực thuộc trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao<sup>1</sup>, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 (*vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp*) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Chương trình), cụ thể như sau:

**I. VỀ VIỆC TRIỂN KHAI VỐN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ  
CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**1. Tổng vốn giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình cho các tỉnh là 5.050 tỷ đồng**, gồm: Vốn trong nước là 3.000 tỷ đồng (còn lại của Chương trình giai đoạn 2021-2025); vốn nước ngoài được giao bổ sung trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của Chương trình để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn là 2.050 tỷ đồng.

Như vậy, tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của Chương trình là **32.050 tỷ đồng** (gồm: 30.000 tỷ đồng vốn trong nước đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 và 2.050 tỷ đồng vốn nước ngoài bổ sung trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH15 ngày 14/12/2022) đã được Thủ tướng Chính phủ giao đầy đủ và cụ thể cho các địa

<sup>1</sup> Tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

phương để triển khai thực hiện (trong đó, giao lần 1 là 27.000 tỷ đồng<sup>2</sup>, lần 2 là 5.050 tỷ đồng<sup>3</sup>).

## 2. Nội dung phân bổ cho các tỉnh

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương được quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg*) và các quy định hiện hành, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được phân bổ cho các địa phương để thực hiện các nội dung sau:

### a) Đối với 3.000 tỷ đồng vốn trong nước:

- Phân bổ 2.050 tỷ đồng cho 45 tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi theo các tiêu chí, hệ số phân bổ ưu tiên theo đối tượng xã, huyện, tỉnh được quy định tại các Khoản (1, 2, 3) Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg để thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân bổ 300 tỷ đồng cho 30 tỉnh để hỗ trợ thực hiện các mô hình chỉ đạo điểm của trung ương về: Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương, phát triển chế biến quy mô nhỏ và vừa; sản phẩm OCOP xanh gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò cộng đồng thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025<sup>4</sup> (*Danh mục mô hình cụ thể được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt*).

- Phân bổ 650 tỷ đồng hỗ trợ một số địa phương thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (*Theo chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước*), cụ thể:

+ Bổ sung 375 tỷ đồng cho 11 tỉnh để hỗ trợ trực tiếp cho 15 huyện “trắng xã NTM” có thêm nguồn lực phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 03 xã/01 huyện được công nhận đạt chuẩn NTM và không còn xã dưới 15 tiêu chí, gồm: Huyện Bảo Lâm, huyện Nguyên Bình (tỉnh **Cao Bằng**); huyện Mù Cang Chải (tỉnh **Yên Bái**); huyện Pắc Nặm (tỉnh **Bắc Kạn**); huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo, huyện Điện Biên Đông, huyện Mường Chà (tỉnh **Điện Biên**); huyện Mường Lát (tỉnh **Thanh Hóa**); huyện Quế Phong (tỉnh **Nghệ An**); huyện Nam Giang (tỉnh **Quảng Nam**); huyện Sơn Tây (tỉnh **Quảng Ngãi**); huyện Khánh Sơn (tỉnh **Khánh Hòa**); huyện Bắc Ái (tỉnh **Ninh Thuận**); huyện Tuy Đức (tỉnh **Đắk Nông**); huyện Tu Mơ Rông (tỉnh **Kon Tum**). Bình quân 25 tỷ đồng/huyện;

+ Bổ sung 50 tỷ đồng cho tỉnh Thái Nguyên để hỗ trợ trực tiếp huyện Định

<sup>2</sup> Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>3</sup> Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>4</sup> Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025

Hóa có thêm nguồn lực hoàn thành một số tiêu chí huyện NTM còn lại và phấn đấu đạt chuẩn NTM vào năm 2023;

+ Bổ sung 50 tỷ đồng cho tỉnh Gia Lai để hỗ trợ trực tiếp cho huyện K'bang có thêm nguồn lực hoàn thành một số tiêu chí huyện NTM còn lại và phấn đấu đạt chuẩn NTM đến năm 2025;

+ Bổ sung 40 tỷ đồng cho tỉnh Thanh Hóa để hỗ trợ trực tiếp cho xã Mường Chanh, huyện Mường Lát có đủ nguồn lực hoàn thành các tiêu chí xã NTM và phấn đấu đạt chuẩn đến năm 2025;

+ Bổ sung 135 tỷ đồng cho 10 tỉnh<sup>5</sup> để hỗ trợ triển khai xây dựng thí điểm một số Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện đại diện một số vùng của cả nước (*Nội dung 06 thuộc Nội dung thành phần số 02 Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*). Bình quân 13,5 tỷ đồng/mô hình. Căn cứ quy hoạch các vùng sản xuất tập trung của tỉnh được phê duyệt và điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan chức năng có liên quan xây dựng dự án cụ thể trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, làm cơ sở để bố trí nguồn lực, triển khai thực hiện theo quy định.

b) Đối với 2.050 vốn nước ngoài được bổ sung trong Chương trình được phân bổ cho 16 tỉnh (*Tuyên Quang; Phú Thọ; Bắc Giang; Lai Châu; Điện Biên; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Nam; Phú Yên; Bình Thuận; Đắk Nông; Gia Lai; Kon Tum; Bình Phước; Sóc Trăng; Cà Mau*) để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn ADB theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

(*Phương án phân bổ cho các tỉnh theo Phụ lục I,II đính kèm*)

### **3. Định mức phân bổ tại các tỉnh:**

Căn cứ tổng mức vốn đầu tư phát triển (vốn trong nước, vốn nước ngoài) được giao và điều kiện thực tế của từng tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định (*theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg*), trong đó, ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn để thực hiện các nội dung sau:

- Hỗ trợ thực hiện các mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương về: Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương, phát triển chế biến quy mô nhỏ và vừa; sản phẩm OCOP xanh gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò cộng đồng thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (*Danh mục mô hình thí điểm cụ thể được Bộ*

<sup>5</sup> Yên Bái, Hòa Bình, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Ninh Thuận, Gia Lai, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang

*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt<sup>6</sup>).*

- Hỗ trợ trực tiếp cho huyện “trắng xã NTM” của 11 tỉnh (*Cao Bằng, Bắc Kạn, Yên Bái, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Thuận, Đắk Nông, Kon Tum và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi*) có thêm nguồn lực phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 03 xã/01 huyện được công nhận đạt chuẩn NTM và không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- Hỗ trợ trực tiếp huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên để có thêm nguồn lực hoàn thành một số tiêu chí huyện NTM còn lại và phấn đấu đạt chuẩn NTM vào năm 2023.

- Hỗ trợ trực tiếp cho huyện K’bang, tỉnh Gia Lai để có thêm nguồn lực hoàn thành một số tiêu chí huyện NTM còn lại và phấn đấu đạt chuẩn NTM đến năm 2025.

- Hỗ trợ trực tiếp cho xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để có đủ nguồn lực hoàn thành các tiêu chí xã NTM và phấn đấu đạt chuẩn đến năm 2025.

- Hỗ trợ triển khai xây dựng thí điểm một số Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện (*gồm 10 tỉnh: Yên Bái, Hòa Bình, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Ninh Thuận, Gia Lai, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang*).

- Hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (*vốn nước ngoài*) theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

## **II. VỀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023**

### **1. Mục tiêu năm 2023**

Phấn đấu đến hết năm 2023, cả nước có khoảng 78% xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có khoảng 25% số xã đạt chuẩn nâng cao và kiểu mẫu; có ít nhất 270 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM (*tăng ít nhất 15 đơn vị cấp huyện so với năm 2022*), có 7-8 tỉnh/thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; khoảng 9.500 sản phẩm được chuẩn hóa theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP (*tăng khoảng 1.000 sản phẩm so với năm 2022*)

Căn cứ mục tiêu phấn đấu của Chương trình giai đoạn 2021-2025 và mục tiêu cụ thể thực hiện năm 2023 được giao, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*sau đây gọi tắt là tỉnh*) tập trung chỉ đạo và bố trí đủ nguồn lực đảm bảo triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu phấn đấu năm 2023 đảm bảo chất lượng, bền vững và theo đúng tiến độ.

<sup>6</sup> Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 8048/BNN-VPĐP ngày 29/11/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh về việc đề xuất xây dựng mô hình thí điểm thuộc Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025

**2. Tổng vốn ngân sách trung ương đã được cấp có thẩm quyền giao thực hiện Chương trình năm 2023 là 9.210 tỷ đồng<sup>7</sup> (bao gồm: Vốn đầu tư phát triển là 7.000 tỷ đồng; Kinh phí sự nghiệp: 2.210 tỷ đồng)**

Đối với 1.025 tỷ đồng vốn nước ngoài (còn lại chưa phân bổ) dự kiến bố trí thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn: Thực hiện Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế hoàn thiện phương án phân bổ cụ thể gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định trước ngày 31/3/2023.

**3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 cho các tỉnh**

**3.1. Nguyên tắc phân bổ:** Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2,3, 4, 5, 7 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

**3.2. Tiêu chí, hệ số phân bổ:**

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã, huyện, tỉnh được ưu tiên theo quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

b) Tiêu chí phân bổ cho các chương trình chuyên đề

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg; mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung thực hiện và dự kiến tổng nguồn vốn ngân sách trung ương của từng chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình chuyên đề năm 2023 cho các tỉnh (*Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm*).

**4. Nội dung phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023:**

**4.1. Phân bổ 350,36 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp cho các bộ ngành trung ương để thực hiện các nhiệm vụ:**

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nội dung thành phần, chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới theo phạm vi quản lý nhà nước được giao và kết quả thực hiện Chương trình theo địa bàn được phân công trong Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

<sup>7</sup> Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022, số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022

- Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Tổ công tác về Chương trình giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 09/QĐ-TCTXDNTM ngày 04/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổ trưởng Tổ công tác*);

- Hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các chương trình chuyên đề theo phân công;

- Tập huấn, nâng cao năng lực, truyền thông về xây dựng nông thôn mới; các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4.2 Phân bổ 8.859,64 tỷ đồng (gồm: 7.000 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 1.859,64 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) cho 45 tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện các nội dung sau:**

a) Phân bổ 7.424,05 tỷ đồng (gồm 6.589,92 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 834,13 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) cho 45 tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi theo các tiêu chí, hệ số phân bổ chung theo đối tượng xã, huyện, tỉnh được ưu tiên.

b) Phân bổ 1.122,39 tỷ đồng (gồm 120,08 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 1,002,3 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) hỗ trợ thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm:

- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm là 339,25 tỷ đồng, trong đó:

+ Bố trí cho các địa phương 120,08 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển để triển khai một số mô hình chỉ đạo điểm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương, phát triển chế biến quy mô nhỏ và vừa; sản phẩm OCOP xanh gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò cộng đồng (*Danh mục mô hình cụ thể do Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt*).

+ Bố trí 219,17 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp cho các tỉnh để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ còn lại của Chương trình OCOP.

- Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 378 tỷ đồng để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các mô hình chỉ đạo điểm của trung ương (*danh mục mô hình cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt*).

- Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 180,75 tỷ đồng để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và một số mô hình chỉ đạo điểm của trung ương về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có



trách nhiệm và bền vững (*Danh mục mô hình cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt*<sup>8</sup>).

- Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 là 185,92 tỷ đồng để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các mô hình chỉ đạo điểm của trung ương (*Danh mục cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt*).

- Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 38,446 tỷ đồng

c) Phân bổ 313,2 tỷ đồng (gồm: 290 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 23,2 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) hỗ trợ một số địa phương thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh (Theo chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước):

- Bổ sung 162 tỷ đồng (gồm 150 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 12 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) cho 11 tỉnh (Cao Bằng, Bắc Kạn, Yên Bái, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Thuận, Đắk Nông, Kon Tum và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi) để hỗ trợ cho 15 huyện “trắng xã nông thôn mới” phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 03 xã/01 huyện được công nhận đạt chuẩn NTM và không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- Bổ sung cho tỉnh Thái Nguyên 50 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển để tập trung hỗ trợ huyện Định Hóa có đủ nguồn lực để phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023.

- Bổ sung cho tỉnh Gia Lai 23,2 tỷ đồng (gồm: 20 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 3,2 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) để hỗ trợ Huyện K’bang hoàn thiện các tiêu chí huyện NTM.

- Bổ sung cho tỉnh Thanh Hóa 18 tỷ đồng (gồm: 16 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 02 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) để tập trung hỗ trợ cho xã Mường Chanh (huyện Mường Lát) hoàn thành các tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, để phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025.

- Bổ trí 60 tỷ đồng (gồm 54 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 6 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) để hỗ trợ một phần vốn cho 10 tỉnh (Yên Bái, Hòa Bình, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Ninh Thuận, Gia Lai, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang) triển khai xây dựng thí điểm một số Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện đại diện 07 vùng của cả nước .

(*Phương án phân bổ cho các tỉnh theo Phụ lục IV, V đính kèm*)

<sup>8</sup> Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 8047/BNN-VPĐP ngày 29/11/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh về việc đề xuất xây dựng mô hình thí điểm thuộc Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

### 5. Định mức phân bổ tại các tỉnh:

Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương năm 2023 (*vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp*) được thông báo và điều kiện thực tế của từng tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định (*theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg*), trong đó, ưu tiên bố trí đủ nguồn lực để thực hiện một số nội dung sau:

- Hỗ trợ kinh phí triển khai các chương trình chuyên đề (*Chương trình Môi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025; Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025*), trong đó, ưu tiên bố trí kinh phí triển khai các mô hình thí điểm của trung ương (*Theo danh mục mô hình được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt*);

- Hỗ trợ trực tiếp cho huyện “trắng xã NTM” của 11 tỉnh (*Cao Bằng, Bắc Kạn, Yên Bái, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Thuận, Đắk Nông, Kon Tum và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi*) có thêm nguồn lực phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 03 xã/01 huyện được công nhận đạt chuẩn NTM và không còn xã dưới 15 tiêu chí;

- Hỗ trợ trực tiếp huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên để có thêm nguồn lực hoàn thành một số tiêu chí huyện NTM còn lại và phấn đấu đạt chuẩn NTM vào năm 2023;

- Hỗ trợ trực tiếp cho huyện K'bang, tỉnh Gia Lai để có thêm nguồn lực hoàn thành một số tiêu chí huyện NTM còn lại và phấn đấu đạt chuẩn NTM đến năm 2025;

- Hỗ trợ trực tiếp cho xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để có đủ nguồn lực hoàn thành các tiêu chí xã NTM và phấn đấu đạt chuẩn đến năm 2025.

- Hỗ trợ triển khai xây dựng thí điểm một số Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện (*gồm 10 tỉnh: Yên Bái, Hòa Bình, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Ninh Thuận, Gia Lai, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang*). Căn cứ quy hoạch các vùng sản xuất tập trung được phê duyệt và điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan chức năng có liên quan xây dựng dự án cụ thể trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, làm cơ sở để bố trí nguồn lực, triển khai thực hiện theo quy định.

### III. HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023

Căn cứ vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh chủ động cân đối và thực hiện nghiêm túc việc bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình theo các quy định tại Điều 7 và Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg; lồng ghép nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia (*Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo bền vững*) và từ các chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn nông thôn theo quy định, để hỗ trợ các xã, huyện, nhất là trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn (*các xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo*), các huyện nghèo để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; đồng thời tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp khác, để có đủ nguồn lực thực hiện và phân đấu hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Nếu cần thêm thông tin, hướng dẫn, đề nghị liên hệ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, địa chỉ: Nhà B9, Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và số điện thoại của đồng chí Vi Việt Hoàng, Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính và Giám sát: 0906.258.868*)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó TTCP Trần Lưu Quang (để b/c);
- Phó TTCP Lê Minh Khái (để b/c);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Thành viên BCĐTW;
- Thành viên Tổ công tác;
- Văn phòng Chính phủ;
- Sở NNPTNT, VPĐP NTM tỉnh, thành phố trực thuộc
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Thanh Nam**

## Phụ lục I

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÒN LẠI  
CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)  
(Kèm theo Công văn số /BNN-VPDP ngày tháng năm 2023  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Phương án phân bổ vốn ĐTPT còn lại (2023-2025)	Trong đó				
			Vốn ĐTPT trong nước	Bao gồm			Vốn nước ngoài
				Phân bổ chung, theo tiêu chí, hệ số	Chương trình OCOP	Hỗ trợ bổ sung thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.050.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>2.050.000</b>	<b>300.000</b>	<b>650.000</b>	<b>2.050.000</b>
<b>I</b>	<b>MIỀN NÚI PHÍA BẮC</b>	<b>1.558.460</b>	<b>919.010</b>	<b>547.010</b>	<b>95.000</b>	<b>277.000</b>	<b>639.450</b>
1	Hà Giang	31.210	31.210	26.210	5.000		
2	Tuyên Quang	226.614	61.250	46.250	15.000		165.364
3	Cao Bằng	62.440	62.440	12.440	-	50.000	
4	Lạng Sơn	50.240	50.240	50.240	-		
5	Lào Cai	32.260	32.260	27.260	5.000		
6	Yên Bái	85.850	85.850	42.350	5.000	38.500	
7	Thái Nguyên	115.180	115.180	55.180	10.000	50.000	
8	Bắc Kạn	56.310	56.310	26.310	5.000	25.000	
9	Phú Thọ	265.863	83.760	83.760	-		182.103
10	Bắc Giang	146.932	76.000	66.000	10.000		70.932
11	Hòa Bình	63.350	63.350	34.850	15.000	13.500	
12	Sơn La	49.280	49.280	34.280	15.000		
13	Lai Châu	81.883	20.700	20.700	-		61.183
14	Điện Biên	291.048	131.180	21.180	10.000	100.000	159.868
<b>II</b>	<b>ĐÔNG BẰNG SÔNG HỒNG</b>	<b>104.930</b>	<b>104.930</b>	<b>91.430</b>	<b>-</b>	<b>13.500</b>	<b>-</b>
15	Nam Định	46.420	46.420	46.420			
16	Thái Bình	58.510	58.510	45.010		13.500	
<b>III</b>	<b>BẮC TRUNG BỘ</b>	<b>983.584</b>	<b>576.410</b>	<b>412.910</b>	<b>60.000</b>	<b>103.500</b>	<b>407.174</b>

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Phương án phân bổ vốn ĐTPT còn lại (2023-2025)	Trong đó				Vốn nước ngoài
			Vốn ĐTPT trong nước	Bao gồm			
				Phân bổ chung, theo tiêu chí, hệ số	Chương trình OCOP	Hỗ trợ bổ sung thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh	
17	Thanh Hoá	234.420	234.420	154.420	15.000	65.000	
18	Nghệ An	396.029	153.970	100.470	15.000	38.500	242.059
19	Hà Tĩnh	226.525	61.410	56.410	5.000		165.115
20	Quảng Bình	55.010	55.010	45.010	10.000		
21	Quảng Trị	29.820	29.820	29.820	-		
22	Thừa Thiên Huế	41.780	41.780	26.780	15.000		
<b>IV</b>	<b>DH. NAM TRUNG BỘ</b>	<b>674.122</b>	<b>330.920</b>	<b>193.920</b>	<b>35.000</b>	<b>102.000</b>	<b>343.202</b>
23	Quảng Nam	253.435	102.310	48.810	15.000	38.500	151.125
24	Quảng Ngãi	53.300	53.300	28.300	-	25.000	
25	Bình Định	32.860	32.860	32.860	-		
26	Phú Yên	116.571	31.400	26.400	5.000		85.171
27	Ninh Thuận	63.880	63.880	15.380	10.000	38.500	
28	Bình Thuận	154.076	47.170	42.170	5.000		106.906
<b>V</b>	<b>TÂY NGUYÊN</b>	<b>673.682</b>	<b>385.690</b>	<b>232.190</b>	<b>40.000</b>	<b>113.500</b>	<b>287.992</b>
29	Đắk Lắk	59.190	59.190	49.190	10.000		
30	Đắk Nông	205.947	71.810	31.810	15.000	25.000	134.137
31	Gia Lai	246.318	155.650	82.150	10.000	63.500	90.668
32	Kon Tum	121.867	58.680	28.680	5.000	25.000	63.187
33	Lâm Đồng	40.360	40.360	40.360	-		
<b>VI</b>	<b>ĐÔNG NAM BỘ</b>	<b>197.943</b>	<b>86.290</b>	<b>81.290</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>111.653</b>
34	Bình Phước	162.423	50.770	45.770	5.000		111.653
35	Tây Ninh	35.520	35.520	35.520			
<b>VII</b>	<b>ĐÔNG BẮNG SÔNG CỬU LONG</b>	<b>857.279</b>	<b>596.750</b>	<b>491.250</b>	<b>65.000</b>	<b>40.500</b>	<b>260.529</b>
36	Long An	68.380	68.380	68.380	-		
37	Tiền Giang	56.530	56.530	46.530	10.000		

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Phương án phân bổ vốn ĐTPT còn lại (2023-2025)	Trong đó				
			Vốn ĐTPT trong nước	Bao gồm			Vốn nước ngoài
				Phân bổ chung, theo tiêu chí, hệ số	Chương trình OCOP	Hỗ trợ bổ sung thực hiện các nhiệm vụ dệt xuất, phát sinh	
38	Bến Tre	76.290	76.290	66.290	10.000		
39	Trà Vinh	30.640	30.640	25.640	5.000		
40	Vĩnh Long	38.940	38.940	38.940	-		
41	Hậu Giang	25.260	25.260	25.260	-		
42	Sóc Trăng	209.694	43.830	30.330	-	13.500	165.864
43	An Giang	74.520	74.520	64.520	10.000		
44	Đồng Tháp	64.780	64.780	36.280	15.000	13.500	
45	Kiên Giang	47.500	47.500	34.000	-	13.500	
46	Bạc Liêu	16.900	16.900	16.900	-		
47	Cà Mau	147.845	53.180	38.180	15.000		94.665

**Phụ lục II**  
**PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO MỘT SỐ ĐỊA**  
**PHƯƠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT, PHÁT SINH**  
**(Theo chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước)**  
*(Kèm theo Công văn số /BNN-VPĐP ngày tháng năm 2023*  
*của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Dự kiến hỗ trợ bổ sung
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>650.000</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ bổ sung cho 15 huyện “trắng xã nông thôn mới” của 11 tỉnh thành phố</b>	<b>huyện</b>	<b>15</b>	<b>375.000</b>
1.1	<i>Huyện Bảo Lâm, huyện Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng)</i>		<i>2</i>	<i>50.000</i>
1.2	<i>Huyện Mù Căng Chải (tỉnh Yên Bái)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.3	<i>Huyện Pắc Nặm (tỉnh Bắc Kạn)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.4	<i>Huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo, huyện Điện Biên Đông, huyện Mường Chà (tỉnh Điện Biên)</i>		<i>4</i>	<i>100.000</i>
1.5	<i>Huyện Mường Lát (tỉnh Thanh Hóa)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.6	<i>Huyện Quế Phong (tỉnh Nghệ An)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.7	<i>Huyện Nam Giang (tỉnh Quảng Nam)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.8	<i>Huyện Sơn Tây (tỉnh Quảng Ngãi)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.9	<i>Huyện Bắc Ái (tỉnh Ninh Thuận)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.10	<i>Huyện Tuy Đức (tỉnh Đắk Nông)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
1.11	<i>Huyện Tu Mơ Rông (tỉnh Kon Tum)</i>		<i>1</i>	<i>25.000</i>
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ huyện Định Hóa phấn đấu đạt chuẩn NTM vào năm 2023 theo chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch Quốc hội</b>	<b>huyện</b>	<b>1</b>	<b>50.000</b>

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Dự kiến hỗ trợ bổ sung
3	Hỗ trợ cho Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (huyện chỉ đạo điểm của Trung ương) phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	huyện	1	50.000
4	Hỗ trợ cho xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	xã	1	40.000
5	Xây dựng thí điểm một số mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện đại diện 07 vùng của cả nước	MH		135.000
5.1	Tỉnh Yên Bái		1	13.500
5.2	Tỉnh Hòa Bình		1	13.500
5.3	Tỉnh Thái Bình		1	13.500
5.4	Tỉnh Nghệ An		1	13.500
5.5	Tỉnh Quảng Nam		1	13.500
5.6	Tỉnh Gia Lai		1	13.500
5.7	Tỉnh Sóc Trăng		1	13.500
5.8	Tỉnh Ninh Thuận		1	13.500
5.9	Tỉnh Kiên Giang		1	13.500
5.10	Tỉnh Đồng Tháp		1	13.500



**Phụ lục**  
**TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**VÀ NĂM 2023 CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Công văn số /BNN-VPĐP ngày tháng năm 2023*  
*của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**1. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025** (đã được phê duyệt tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ):

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp theo mục tiêu sản phẩm OCOP (căn cứ số lượng sản phẩm tính đến hết 2021, mục tiêu đăng ký của các địa phương đến năm 2025) như sau:

- Nâng cấp sản phẩm đã được phân hạng đạt từ 3 sao trở lên (50% số sản phẩm đã được phân hạng ở các tỉnh, thành phố tính đến tháng 6/2022): **Hệ số 1,0.**

- Phát triển sản phẩm mới (phát triển thêm ngoài sản phẩm đã được phân hạng, ưu tiên các làng nghề truyền thống, đề phân đầu hoàn thành mục tiêu có ít nhất 50% làng nghề truyền thống có sản phẩm OCOP): **Hệ số 3,0.**

- Hỗ trợ thêm để phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị (nhằm mục tiêu 30% sản phẩm gắn với chuỗi giá trị): **Hệ số 2,0.**

(Kinh phí hỗ trợ bao gồm cả phát triển sản phẩm, chuỗi giá trị và hỗ trợ tập huấn, tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm OCOP của các địa phương).

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển: Hỗ trợ xây dựng một số mô hình thí điểm phát triển chuỗi giá trị gắn với vùng nguyên liệu địa phương, OCOP xanh và dịch vụ du lịch cộng đồng (Theo danh sách mô hình chỉ đạo điểm của trung ương được Bộ Nông nghiệp và PTN phê duyệt), cụ thể:

- Hỗ trợ 10 địa phương xây dựng mô hình phát triển OCOP xanh gắn mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học: **Hệ số 1,0.**

- Hỗ trợ 10 địa phương xây dựng mô hình phát triển nhóm sản phẩm OCOP dịch vụ du lịch cộng đồng gắn với nâng cao vai trò cộng đồng: **Hệ số 2,0.**

- Hỗ trợ 10 địa phương xây dựng mô hình thí điểm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương, phát triển chế biến quy mô nhỏ và vừa: **Hệ số 3,0.**

- Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên: Theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg, ưu tiên theo tiêu chí về mục tiêu sản phẩm đạt được của địa phương đến năm 2025.

**2. Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã, huyện và tỉnh để thực hiện các mục tiêu và nội dung của Chương trình (căn cứ vào tổng số xã và huyện đến hết năm 2021 và dự toán thu, chi NSNN năm 2022):

- Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã, huyện để thực hiện các mục tiêu của Chương trình:

+ Phân bổ cho 80% số xã để triển khai các nội dung của chương trình đối với các mô hình triển khai ở cấp xã: Hệ số 1,0.

+ Phân bổ cho 50% số huyện để triển khai các nội dung của Chương trình đối với các mô hình triển khai ở cấp huyện: Hệ số 4,0.

+ Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên: Theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

b) Tiêu chí, định mức phân bổ cho các mô hình thí điểm gồm:

- Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các mô hình được xác định dựa trên số lượng, nội dung thực hiện, tính đặc thù của các mô hình: (i) Mô hình cấp nước hộ gia đình cho dân cư vùng đặc thù, chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, khan hiếm, khó khăn về nguồn nước; (ii) Mô hình về liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải; (iii) Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn áp dụng công nghệ sinh thái; (iv) Mô hình xử lý, tuần hoàn chất thải chăn nuôi; (v) Mô hình chợ an toàn thực phẩm; (vi) Mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng, gắn với phát triển du lịch nông thôn (*Theo danh mục các mô hình thí điểm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt*).

- Định mức phân bổ: Căn cứ vào vốn ngân sách trung ương được giao và điều kiện thực tế, các địa phương chủ động cân đối bố trí kinh phí thực hiện các mô hình đảm bảo phù hợp theo định mức được quy định tại Điều 9 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính và các văn bản quy định khác có liên quan.

**3. Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo mục tiêu của Chương trình:

Căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các tỉnh thực hiện Chương trình CDS đến năm 2025, như sau:

- Hỗ trợ mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất 01 điểm du lịch nông thôn: Hệ số 1,0.

- Hỗ trợ thí điểm mô hình du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo chỉ đạo của Trung ương (theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt): Hệ số 3,0.

- Hỗ trợ tổ chức triển khai chương trình (tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ, người dân làm du lịch, phần đầu thực hiện mục tiêu: 70% chủ cơ sở du lịch nông thôn được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch; 80% lao động du lịch nông thôn được bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, trong đó ít nhất 50% là lao động nữ; mỗi điểm du lịch có ít nhất 01 nhân viên thành thạo ngoại ngữ): Căn cứ vào số lượng xã của các tỉnh, thành phố, hệ số hỗ trợ gồm:

+ Tỉnh, thành phố có dưới 100 xã: Hệ số 1,0.

+ Tỉnh, thành phố có từ 100 xã đến dưới 200 xã: Hệ số 1,3.

+ Tỉnh, thành phố có từ 200 xã trở lên: hệ số 1,6.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên: Theo quy định tại khoản 3, Điều 4, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

**4. Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025** (đã được phê duyệt tại Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo nội dung và mục tiêu của Chương trình:

- Phân bổ kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện các mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương: Hệ số 3,0

- Phân bổ kinh phí cho các địa phương xây dựng các mô hình theo các nội dung của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

+ Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất 01 mô hình thí điểm thôn/xã NTM thông minh theo lĩnh vực nổi trội nhất: Hệ số 1,0.

+ Hỗ trợ tổ chức triển khai chương trình (tập huấn, nâng cao năng lực cho các xã, phần đầu ít nhất 40% số xã có cung cấp ít nhất một dịch vụ thiết yếu và tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả xây dựng NTM thông qua ứng dụng trực tuyến): Căn cứ vào số lượng xã của các tỉnh, thành phố, hệ số hỗ trợ gồm:

+ Tỉnh, thành phố có dưới 100 xã: Hệ số 1,0.

+ Tỉnh, thành phố có từ 100 xã đến dưới 200 xã: Hệ số 1,3.

+ Tỉnh, thành phố có từ 200 xã trở lên: hệ số 1,6.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên: Theo quy định tại khoản 3, Điều 4, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiêu chí ưu tiên dựa trên điểm số về “Hỗ trợ tổ chức triển khai chương trình”: Hệ số ưu tiên tối đa bằng 50% hệ số hỗ trợ tổ chức triển khai mô hình (theo số xã), cụ thể:

- Các tỉnh miền núi, Tây Nguyên: Hệ số bằng 50% hệ số hỗ trợ tổ chức triển khai mô hình (theo số xã)

- Các tỉnh nhận hỗ trợ NSTW từ 60% trở lên: Hệ số bằng 30% hệ số hỗ trợ tổ chức triển khai mô hình (theo số xã)

c) Đối với các nội dung, mục tiêu thuộc nhiệm vụ thường xuyên không bố trí kinh phí từ Chương trình để thực hiện.

**5. Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025** (đã được phê duyệt tại Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Căn cứ tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương giao thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, ưu tiên phân bổ vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) cho các địa phương theo hệ số như sau:

- Các tỉnh miền núi và Tây Nguyên: Hệ số 1,5.

- Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% trở lên: Hệ số 1,3.

- Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 60% và tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi: Hệ số 1,0/.

**Phụ lục IV**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NSTW NĂM 2023 CHO CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG**  
 (Theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)  
 (Kèm theo Công văn số /BNN-VPĐP ngày tháng năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2023										Bao gồm									
		Tổng cộng		DTPT		Kinh phí sự nghiệp		Phân bổ chương theo quy định		Trong đó:		Kinh phí sự nghiệp		Phân bổ chương theo quy định		Trong đó:		Kinh phí sự nghiệp		Trong đó:	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	9.218.000	7.006.000	2.218.000	7.563.354	6.589.938	978.454	1.338.416	120.886	1.286.366	264.579	199.959	100.000	207.326	396.990	46.826	313.280	296.000	23.280		
A	<b>BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG</b>	350.366	-	350.366	144.300	-	144.300	266.066	-	266.066	45.406	19.200	100.000	21.400	18.500	1.560	-	-	-	-	-
1	<b>CÁC BỘ</b>	283.206	-	283.206	194.700	-	194.700	178.560	-	178.560	31.400	19.200	100.000	13.000	13.000	1.560	-	-	-	-	-
1	Bộ Quốc phòng	1.000	-	1.000	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Bộ Công an	3.760	-	3.760	1.000	-	1.000	2.760	-	2.760	-	-	-	1.200	-	1.560	-	-	-	-	-
3	Bộ Tư pháp	6.000	-	6.000	6.000	-	6.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Bộ Công Thương	14.800	-	14.800	6.000	-	6.000	8.800	-	8.800	8.000	-	-	800	-	-	-	-	-	-	-
5	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	14.500	-	14.500	14.500	-	14.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	300	-	300	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bộ Xây dựng	2.700	-	2.700	2.700	-	2.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Bộ Thông tin và Truyền thông	8.300	-	8.300	7.500	-	7.500	800	-	800	800	-	-	800	-	-	-	-	-	-	-
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	4.000	-	4.000	4.000	-	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	188.100	-	188.100	38.700	-	38.700	149.400	-	149.400	21.600	11.200	100.000	9.600	7.000	-	-	-	-	-	-
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6.000	-	6.000	6.000	-	6.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Bộ Nội vụ	3.200	-	3.200	3.200	-	3.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Bộ Y tế	2.900	-	2.900	1.500	-	1.500	1.400	-	1.400	400	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	14.500	-	14.500	6.500	-	6.500	8.000	-	8.000	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	11.500	-	11.500	5.500	-	5.500	6.000	-	6.000	1.000	-	-	-	5.000	-	-	-	-	-	-
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	1.400	-	1.400	-	-	-	1.400	-	1.400	400	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-
17	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	300	-	300	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	<b>CY BAN TW MTTQ VIỆT NAM VÀ CÁC CƠ QUAN ĐOÀN THỂ</b>	67.100	-	67.100	39.600	-	39.600	27.500	-	27.500	14.000	-	-	8.900	5.500	-	-	-	-	-	-
18	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3.000	-	3.000	1.000	-	1.000	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-
19	Trung ương Đoàn thanh niên công sở Hà Chi Minh	12.700	-	12.700	6.500	-	6.500	6.200	-	6.200	4.000	-	-	1.200	1.000	-	-	-	-	-	-
20	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	15.000	-	15.000	7.800	-	7.800	7.200	-	7.200	4.000	-	-	1.200	2.000	-	-	-	-	-	-
21	Hội Nông dân Việt Nam	20.200	-	20.200	13.500	-	13.500	6.700	-	6.700	4.000	-	-	1.200	1.500	-	-	-	-	-	-
22	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	4.500	-	4.500	2.300	-	2.300	2.200	-	2.200	-	-	-	1.200	1.000	-	-	-	-	-	-

TT	CC/QUẬN, ĐƠN VỊ	Tổng cộng	ĐVT	Kinh phí sự nghiệp	Phần bổ sung theo quy định	Trong đó				Trong đó				Kinh phí sự nghiệp của các Chương trình đặc thù								Trong đó	
						ĐVT	Kinh phí sự nghiệp	Phần bổ sung theo quy định	ĐVT	Kinh phí sự nghiệp	Phần bổ sung theo quy định	ĐTPT (Chương trình OCCT)	Kinh phí sự nghiệp	GD 919 (CT OCCT (Chức năng khác))	GD 922 (CT DAN (Chức năng khác))	GD 923 (Chức năng khác)	GD 924 (Chức năng khác)	GD 925 (Chức năng khác)	GD 926 (Chức năng khác)	Hết cơ cấu kinh phí chi trả theo định mức	ĐVT	Kinh phí sự nghiệp	
																							ĐVT
23	Lên minh Top các Vết Máu	11.700	.	11.700	8.200	3.500	8.200	3.200	1.200	2.000	186.750	186.750	376.000	376.000	38.466	38.466	313.288	298.000	23.288				
B	RIA PHUONG	8.869.448	7.000.000	1.869.448	7.424.854	6.589.328	824.134	1.122.296	126.868	1.002.296	219.170	186.750	376.000	376.000	38.466	38.466	313.288	298.000	23.288				
1	MERN KIU PHIA BAC	2.483.865	1.932.148	551.717	1.980.985	1.758.410	222.575	356.680	32.339	323.558	64.128	54.628	58.300	58.300	14.670	14.670	148.488	148.000	7.688				
1	Hai Oung	127.613	86.200	41.413	98.923	84.260	10.663	32.680	1.940	30.750	9.530	5.840	5.840	3.200	3.200	10.990	10.990	1.260	-				
2	Tuyen Quang	106.448	134.480	41.968	167.488	148.670	18.818	28.360	5.810	23.150	5.600	5.840	5.840	3.200	3.200	7.690	7.690	880	-				
3	Cao Bang	87.312	59.990	27.322	45.032	39.990	5.062	20.660	-	20.660	5.130	2.330	2.330	3.200	3.200	8.800	8.800	1.600	20.000				
4	Lam Son	203.491	161.400	42.091	181.931	161.480	20.441	21.560	-	21.560	2.320	2.330	2.330	3.200	3.200	12.290	12.290	1.310	-				
5	Lao Cai	124.110	89.330	35.260	98.300	87.610	11.690	26.110	1.940	24.170	6.110	5.840	5.840	3.200	3.200	8.100	8.100	920	-				
6	Yen Bai	194.884	133.490	61.394	153.384	136.130	17.234	24.700	1.940	22.760	2.440	5.840	5.840	3.200	3.200	10.200	10.200	1.800	16.800				
7	Thái Nguyên	277.301	231.240	46.061	199.211	177.270	22.431	27.480	3.870	23.610	4.340	2.330	2.330	6.930	6.930	8.600	8.600	990	50.000				
8	Bắc Kạn	123.944	96.300	27.444	95.264	84.560	10.704	17.880	1.940	15.940	3.900	2.200	2.200	2.750	2.750	6.400	6.400	600	10.800				
9	Pha Thi	329.062	269.260	59.802	303.342	289.260	34.082	23.220	-	23.220	6.880	2.330	2.330	3.200	3.200	11.990	11.990	1.410	-				
10	Bắc Giang	270.036	216.640	54.016	239.626	212.170	26.856	31.030	3.870	27.160	3.310	2.330	2.330	6.930	6.930	11.000	11.000	1.330	-				
11	Hòa Bình	164.331	123.230	41.101	126.221	112.040	14.181	32.230	5.810	26.320	3.300	5.840	5.840	6.930	6.930	9.500	9.500	930	6.000				
12	Sơn La	139.168	116.820	43.140	124.168	110.210	13.950	35.000	5.810	29.190	3.640	5.840	5.840	6.930	6.930	11.400	11.400	1.360	-				
13	Lai Châu	99.034	66.330	23.704	74.974	66.330	8.424	13.280	-	13.280	3.030	2.200	2.200	2.750	2.750	6.000	6.000	680	-				
14	Điện Biên	136.977	108.080	28.897	76.697	68.080	8.617	17.000	-	17.000	2.320	2.330	2.330	3.200	3.200	8.000	8.000	820	43.200				
II	ĐÔNG BẮNG SÔNG HỒNG	386.300	293.238	86.880	331.128	293.978	37.200	49.188	-	49.188	9.510	5.390	5.390	9.540	9.540	22.400	22.400	2.238	6.000				
15	Nam Định	196.564	149.220	47.344	168.104	149.220	18.884	28.460	-	28.460	6.660	2.330	2.330	6.900	6.900	11.400	11.400	1.180	-				
16	Thái Bình	189.736	130.100	39.636	163.016	144.700	18.316	20.220	-	20.220	2.870	2.860	2.860	2.850	2.850	11.000	11.000	1.140	6.000				
III	BẮC TRUNG BỘ	1.217.978	1.388.128	239.838	1.465.392	1.337.258	158.012	177.016	19.370	157.646	35.600	26.748	-	23.490	23.490	63.000	63.000	6.786	45.600				
17	Thanh Hóa	633.827	528.198	107.637	559.211	496.380	62.831	47.816	5.810	42.006	11.430	6.170	6.170	2.850	2.850	19.300	19.300	2.266	28.800				
18	Nghệ An	417.502	344.190	73.112	363.862	322.980	40.882	36.840	5.810	31.030	4.120	6.170	6.170	2.850	2.850	15.900	15.900	1.900	16.800				
19	Hà Tĩnh	238.933	183.280	54.653	204.293	181.340	22.953	31.660	1.940	29.720	9.010	5.840	5.840	6.300	6.300	10.700	10.700	870	-				
20	Quảng Bình	176.236	144.700	31.536	163.016	144.700	18.316	13.240	-	13.240	1.940	2.330	2.330	2.590	2.590	5.600	5.600	620	-				
21	Quảng Trị	123.693	95.660	27.833	107.993	95.660	12.133	13.700	-	13.700	3.300	2.330	2.330	2.940	2.940	6.100	6.100	630	-				
22	Thừa Thiên Huế	123.747	91.900	33.847	96.987	86.900	10.897	28.760	5.810	22.950	5.600	5.500	5.500	6.000	6.000	5.400	5.400	450	-				
IV	ĐIỂM NAM TRUNG BỘ	874.866	677.248	196.836	702.286	623.388	78.996	127.888	13.668	114.328	28.256	24.118	-	21.900	21.900	36.888	36.888	3.248	44.400				

TT	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2023				Kinh phí sự nghiệp của các Chương trình chuyên đề										Tổng số		
	Tăng chi	DTPP	Kinh phí sự nghiệp	Phần bổ sung theo quy định	Trong đó		Phần bổ sung liên Bộ Chương trình chuyên đề	Kinh phí sự nghiệp của các Chương trình chuyên đề						Trong đó			
					DTPP	Kinh phí sự nghiệp		QD 919 CT OCOP (Chi hoạt động kinh tế)	QD 922 CT DLNT (Chi hoạt động kinh tế)	QD 923 CT KHCN (Chi sự nghiệp KHCN)	QD 924 CT ĐN (Chi sự nghiệp YHTT)	QD 925 CT BHYT (Chi sự nghiệp BHYT)	QD 926 CT ANTT (Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề)	Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương	Kinh phí sự nghiệp DTPP		
23	224.252	178.120	46.132	176.772	156.910	19.862	30.680	5.810	24.870	6.950	5.840	2.550	8.600	930	16.800	15.400	1.400
24	132.625	100.970	31.655	102.485	90.970	11.515	19.340	6.850	19.340	6.850	2.530	2.550	6.700	710	10.800	10.000	800
25	139.590	105.630	33.960	119.000	105.630	13.370	20.590	-	20.590	5.260	5.840	2.550	6.400	540	-	-	-
26	114.392	86.810	27.582	95.612	84.870	10.742	18.780	1.940	16.840	2.840	2.200	6.000	5.400	400	-	-	-
27	95.080	68.730	26.350	55.720	49.460	6.260	22.560	3.870	18.690	2.860	5.500	6.000	4.100	230	16.800	15.400	1.400
28	168.627	137.480	31.147	152.697	135.540	17.157	15.930	1.940	13.990	3.490	2.200	2.250	3.600	450	-	-	-
V	<b>1.839.409</b>	<b>897.239</b>	<b>223.119</b>	<b>848.879</b>	<b>746.400</b>	<b>94.479</b>	<b>138.730</b>	<b>15.499</b>	<b>123.240</b>	<b>31.200</b>	<b>18.599</b>	<b>22.600</b>	<b>46.400</b>	<b>4.250</b>	<b>58.000</b>	<b>45.400</b>	<b>5.400</b>
29	207.676	162.000	45.676	178.146	158.130	20.016	29.530	3.870	25.660	7.630	2.530	3.200	11.200	1.100	-	-	-
30	153.075	118.060	34.995	118.215	102.270	15.945	27.060	5.810	21.250	3.120	5.500	6.500	5.700	420	10.800	10.000	800
31	365.155	293.340	71.815	297.495	264.070	33.425	38.460	3.870	34.590	10.600	2.530	6.950	13.200	1.310	29.200	25.400	3.800
32	138.330	104.130	34.200	103.860	92.190	11.670	25.670	1.940	21.730	5.870	5.500	2.750	7.000	610	10.800	10.000	800
33	166.173	129.740	36.433	146.163	129.740	16.423	20.010	-	20.010	3.980	2.530	3.200	9.500	800	-	-	-
VI	<b>222.577</b>	<b>263.359</b>	<b>59.227</b>	<b>294.367</b>	<b>261.216</b>	<b>33.077</b>	<b>26.199</b>	<b>1.940</b>	<b>26.259</b>	<b>3.560</b>	<b>4.400</b>	<b>5.000</b>	<b>12.300</b>	<b>990</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
34	182.605	149.980	32.625	165.765	147.140	18.625	16.840	1.940	14.900	1.600	2.200	2.750	7.700	650	-	-	-
35	119.972	114.170	25.802	128.622	114.170	14.452	11.350	-	11.350	1.960	2.200	2.250	4.600	340	-	-	-
VII	<b>2.841.345</b>	<b>1.632.148</b>	<b>499.895</b>	<b>1.779.835</b>	<b>1.579.159</b>	<b>199.885</b>	<b>244.919</b>	<b>34.796</b>	<b>208.128</b>	<b>46.848</b>	<b>44.900</b>	<b>44.498</b>	<b>65.700</b>	<b>6.190</b>	<b>18.000</b>	<b>16.200</b>	<b>1.800</b>
36	263.482	219.800	43.682	247.622	219.800	27.822	15.860	-	15.860	2.010	2.550	2.550	8.000	770	-	-	-
37	192.274	153.460	38.814	168.524	149.590	18.934	23.750	3.870	19.880	3.960	2.530	6.300	6.400	690	-	-	-
38	261.052	216.950	44.102	240.052	213.080	26.972	21.800	3.870	17.130	5.170	2.530	2.550	6.200	680	-	-	-
39	110.283	84.370	25.913	92.863	82.430	10.433	17.420	1.940	15.480	2.420	5.500	2.250	4.900	410	-	-	-
40	158.203	125.160	33.043	141.003	125.160	15.843	17.200	-	17.200	3.880	2.200	6.000	4.700	420	-	-	-
41	110.849	87.010	23.839	91.479	81.206	10.279	19.370	5.810	13.560	5.760	2.200	2.250	3.100	250	-	-	-
42	149.602	108.720	31.882	109.852	97.510	12.342	24.750	5.810	18.940	4.990	5.500	2.550	5.400	500	6.000	5.400	600
43	261.983	211.280	50.703	233.663	207.410	26.253	28.320	3.870	24.450	6.400	2.530	6.090	8.100	730	-	-	-
44	165.911	127.810	38.081	131.381	116.620	14.761	28.530	5.810	22.720	4.130	5.840	6.300	5.900	550	6.000	5.400	600
45	146.754	114.690	32.064	123.124	109.290	13.834	17.630	-	17.630	2.880	5.840	2.550	5.800	560	6.000	5.400	600
46	71.988	54.340	17.648	61.218	54.340	6.878	10.770	-	10.770	3.080	2.200	2.250	3.000	240	-	-	-
47	158.564	128.530	30.034	138.254	122.720	15.534	20.310	5.810	14.500	2.160	5.500	2.250	4.200	390	-	-	-

**Phụ lục V**  
**PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ BỔ SUNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**  
**CHO MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT, PHÁT SINH**  
**(Theo chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước)**  
*(Kèm theo Công văn số /BNN-VPĐP ngày tháng năm 2023*  
*của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Năm 2023	Trong đó		Ghi chú
					Vốn ĐTPT	Kinh phí sự nghiệp	
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>313.200</b>	<b>290.000</b>	<b>23.200</b>	
1	Hỗ trợ bổ sung cho 15 huyện “trắng xã nông thôn mới” của 11 tỉnh thành phố	huyện	15	162.000	150.000	12.000	
1.1	Huyện Bảo Lâm, huyện Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng)		2	21.600	20.000	1.600	
1.2	Huyện Mù Căng Chải (tỉnh Yên Bái)		1	10.800	10.000	800	
1.3	Huyện Pắc Nặm (tỉnh Bắc Kạn)		1	10.800	10.000	800	
1.4	Huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo, huyện Điện Biên Đông, huyện Mường Chà (tỉnh Điện Biên)		4	43.200	40.000	3.200	
1.5	Huyện Mường Lát (tỉnh Thanh Hóa)		1	10.800	10.000	800	
1.6	Huyện Quế Phong (tỉnh Nghệ An)		1	10.800	10.000	800	
1.7	Huyện Nam Giang (tỉnh Quảng Nam)		1	10.800	10.000	800	
1.8	Huyện Sơn Tây (tỉnh Quảng Ngãi)		1	10.800	10.000	800	
1.9	Huyện Bắc Ái (tỉnh Ninh Thuận)		1	10.800	10.000	800	
1.10	Huyện Tuy Đức (tỉnh Đắk Nông)		1	10.800	10.000	800	
1.11	Huyện Tu Mơ Rông (tỉnh Kon Tum)		1	10.800	10.000	800	
2	Hỗ trợ huyện Định Hóa phần đầu đạt chuẩn NTM vào năm 2023 theo chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch Quốc hội	huyện	1	50.000	50.000		
3	Hỗ trợ cho Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (huyện chỉ đạo điểm của Trung ương) phần đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	huyện	1	23.200	20.000	3.200	
4	Hỗ trợ cho xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	xã	1	18.000	16.000	2.000	



TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Năm 2023	Trong đó		Ghi chú
					Vốn ĐTPT	Kinh phí sự nghiệp	
5	Xây dựng thí điểm một số mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện đại diện 07 vùng của cả nước	MH	10	60.000	54.000	6.000	
5.1	Tỉnh Yên Bái		1	6.000	5.400	600	
5.2	Tỉnh Hòa Bình		1	6.000	5.400	600	
5.3	Tỉnh Thái Bình		1	6.000	5.400	600	
5.4	Tỉnh Nghệ An		1	6.000	5.400	600	
5.5	Tỉnh Quảng Nam		1	6.000	5.400	600	
5.6	Tỉnh Ninh Thuận		1	6.000	5.400	600	
5.7	Tỉnh Gia Lai		1	6.000	5.400	600	
5.8	Tỉnh Sóc Trăng		1	6.000	5.400	600	
5.9	Tỉnh Đồng Tháp		1	6.000	5.400	600	
5.10	Tỉnh Kiên Giang		1	6.000	5.400	600	

Số: 2811 /BYT-KHTC  
V/v hướng dẫn triển khai  
Chương trình Đầu tư phát triển  
mạng lưới y tế cơ sở vùng khó  
khăn, vốn vay ODA của ADB.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Bình Thuận, Bình Phước, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông, Sóc Trăng và Cà Mau.

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, để đảm bảo Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vốn vay ADB (sau đây gọi tắt là Chương trình vốn vay ADB) được thực hiện đúng mục tiêu và tiến độ, Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung như sau:

**1. Cơ sở pháp lý thực hiện Chương trình**

- Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH15 ngày 14/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn nước ngoài cho Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới;

- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan;

- Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 02/11/2018 và Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư của Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vốn vay ADB, vay vốn ODA và vốn viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB);

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi và Quyết định đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn ADB; Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh Quyết định số 6689/QĐ-BYT;

- Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc hướng dẫn triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

## **2. Về giao chủ đầu tư, quản lý và thực hiện Chương trình**

- Chủ đầu tư là đơn vị được UBND tỉnh ban hành quyết định giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư để thực hiện Chương trình vốn vay ADB. UBND các tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đúng mục đích nguồn vốn vay đã được phân bổ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc giải ngân nguồn vốn vay đảm bảo đúng mục tiêu của Chương trình.

- Căn cứ tình hình thực tế triển khai Chương trình tại địa phương, UBND tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung phê duyệt điều chỉnh danh mục đầu tư (nếu có) trên nguyên tắc không làm thay đổi tổng mức đầu tư (vốn nước ngoài) của từng tỉnh, đảm bảo hiệu quả đầu tư, tránh trùng lắp, lãng phí. Sau khi Văn kiện Chương trình/dự án đầu tư xây dựng của tỉnh được duyệt, đề nghị gửi Bộ Y tế để tổng hợp, theo dõi vào kế hoạch tổng thể của Chương trình.

- Đối với nguồn vốn đối ứng, theo quy định của Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, phần chi trả thuế VAT sẽ do ngân sách địa phương bố trí. Trong trường hợp tăng tổng mức đầu tư, đề nghị UBND các tỉnh báo cáo Bộ Y tế để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin phê duyệt điều chỉnh theo quy định.

## **3. Về triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

### **3.1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình vốn vay ADB**

- Vốn nước ngoài: Theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình vốn vay ADB được giao 2.050 tỷ đồng (bao gồm kinh phí dự phòng) nguồn vốn nước ngoài cho 16 tỉnh thụ hưởng Chương trình (Phụ lục I kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg). UBND tỉnh có trách nhiệm giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho Chủ đầu tư theo số vốn được thông báo.

- Vốn đối ứng: Do vốn vay chỉ được sử dụng cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị nên ngân sách địa phương chi trả cho các chi phí khác, bao gồm cả

chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản, thuế, phí, quản lý, giám sát và đánh giá Chương trình vốn vay ADB theo quy định.

### **3.2. Công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện đầu tư**

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn nước ngoài cho 16 tỉnh đã được quy định cụ thể tại các Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018, Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế; Chủ đầu tư thực hiện lập, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành.

### **3.3. Công tác giải ngân, kế toán tài chính**

Do nguồn vốn vay ODA của ADB được thực hiện theo phương thức hòa đồng ngân sách nhà nước nên UBND tỉnh chỉ đạo Chủ đầu tư thực hiện giải ngân và công tác kế toán tài chính theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công.

Sở Y tế/Ban Quản lý Chương trình tuyến tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo công tác giải ngân, kế toán tài chính cho UBND tỉnh, đồng thời Ban Quản lý Chương trình Trung ương theo quy định tại Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

### **3.4. Quy trình mua sắm, đấu thầu**

Các địa phương thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

### **3.5. Chế độ báo cáo, giám sát và đánh giá**

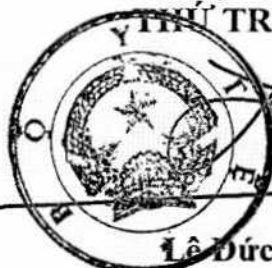
Các địa phương thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Chủ đầu tư, Ban Quản lý Chương trình tuyến tỉnh và các đơn vị thụ hưởng liên hệ với Ban Quản lý Chương trình Trung ương để được hướng dẫn và hỗ trợ. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ NN & PTNT;
- Sở Y tế 16 tỉnh;
- Ban QLCT Trung ương;
- Lưu: VT, KHTC5.

KT. BỘ TRƯỞNG  
Y THỨ TRƯỞNG



Lê Đức Luận



**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 147/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020; số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021; số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện các chương

trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội số: 120/2020/QH14, 24/2021/QH15, 25/2021/QH15 (gọi chung là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ cho một số địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng nông thôn mới tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 3.** Các Bộ, cơ quan chủ Chương trình, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về các thông tin, số liệu và nội dung báo cáo, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 bổ sung cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia

1. Ủy ban Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh trực thuộc trung ương căn cứ kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh được giao tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc bảo đảm phù hợp với các quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH ngày 14 tháng 12 năm 2022, các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ được bổ sung kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Bộ Y tế hướng dẫn các địa phương triển khai Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn theo quy định.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tại các bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 6.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ (danh sách kèm theo);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Đoàn ĐBQH của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Các cơ quan (phụ lục kèm theo);
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2). 245





**Phụ lục I**  
**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN**  
**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg  
 ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình	Kế hoạch 2021 - 2025 bổ sung
	<b>Tổng số</b>	<b>300.802</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)</b>	<b>166.665</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi <sup>(1)</sup>	7.532
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững <sup>(2)</sup>	87.323
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới <sup>(3)</sup>	71.810
<b>II</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)</b>	<b>134.137</b>
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới <sup>(4)</sup>	134.137

**Ghi chú:**

(1): Bổ sung vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Dự án 3 và Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(2): Bổ sung vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện hỗ trợ các huyện nghèo phấn đấu thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ thuộc nội dung Tiểu dự án 2, Dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

(3): Đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và một số nhiệm vụ chỉ đạo điểm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(4): Bổ sung vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 652/QĐ-TTg NGÀY 28 THÁNG 5 NĂM 2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)



Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Chỉ tiêu đã giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022		Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu giao nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025	
	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 (phần đầu đến năm 2025)	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 (phần đầu đến năm 2025)
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi				
Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn				
Tỷ lệ	Tỷ lệ xã (%)	50	Tỷ lệ thôn (%)	50